

CÂU CHUYỆN VỀ MỘT “TỰ VỆ ĐỎ”



Cụ Hoàng Trung Nguyên nhớ mãi về tháng 5 năm 1945 ấy. Tháng này bầu trời cao, trong xanh, có nhiều chim lượn trên các ngọn cây cao chót vót phía núi Hồng. Sông Phó Đáy vào lúc nước lớn, con nước cuộn cuộn chảy giữa đôi bờ um tùm cây cỏ. Đây là những ngày Bác Hồ từ Pác Bó, qua những ngày hành quân bằng đường bộ đầy gian nan và hiểm nguy, Bác về đến Tân Trào. Vậy là từ Cao Bằng, Bác về tới Tuyên Quang và đặt “Tổng hành dinh” tại Tân Trào.

Bác ở nhà ông Nguyễn Tiến Sự, Chủ nhiệm Ban Việt Minh xã. Lúc ấy, phong trào cách mạng ở Tân Trào đã sôi sục lắm. Vào các buổi tối, trai gái già gạo ở dưới sân, đông vui và nhộn nhịp. Bác hỏi: “Các cô, các chú già gạo để làm gì?”. Mấy người đều thưa với Bác: “Bà con già gạo để nuôi bộ đội đánh Tây đuổi Nhật”. Bác gật đầu cười: “Thế là bà con ta đã góp phần cùng với Việt Minh đánh Tây đuổi Nhật đấy!”.

Một hôm, Bác bảo chúng tôi đi tìm một địa điểm để làm lán cho Bác ở - cụ Nguyễn nhớ lại. Rồi cụ kể:

“Lúc ấy tôi là đội viên Đội tự vệ đỏ, kiêm Bí thư Đoàn thanh niên xã. Quanh vùng này, núi cao, rừng rậm, khe sâu, suối to, tôi đều thuộc hết. Nghe Bác bảo đi tìm địa điểm để làm lán, tôi nghĩ: xung quanh đây có nhiều chỗ kín đáo lắm, chắc là dễ tìm thôi. Mấy anh em chúng tôi mang lao, rìu, cuốc xẻng lên đường...

Đoàn của Bí thư Đoàn thanh niên xã - Hoàng Trung Nguyên gồm có các ông Tiến Sĩ, Hoàng Văn Các, Vi Ôn Đức, Trương Thanh Nghiệp... đưa Bác vào Vững Tẩu. Chỗ này kín đáo, xung quanh cây rừng toả bóng xanh rợp. Một địa điểm đẹp, nhưng Bác nói; “Chỗ này xa dân quá”. Những người dẫn Bác đi thấy Ông Cụ chê “Chỗ này xa dân quá” càng thấm thía những lời Bác nói với bà coi khi Bác đặt chân đến Tân Trào: “Bà con quanh đây là những người bảo vệ tốt nhất cho cách mạng, cho những đồng chí đang hoạt động”. Ông Tiến Sĩ lại dẫn Bác đến Đồng Man, nơi này cũng là một địa điểm đẹp, nhưng vẫn xa dân, Bác nói: “Không nên chọn chỗ này”.

Đoàn lại đưa Bác đến Nà Chằm Chỗ này có núi cao, rừng rậm, Bác hỏi: “Đây là núi nào, có phải núi cấm không?”. Ông Nguyễn thưa: “Đây là

núi Hồng, chân là núi Nà Lừa”. Bác đi đến chỗ có mấy phiến đá và một cây Thành ngạnh to, Bác nhìn quanh một lượt và bảo: “Làm lán ở chỗ này”. Vậy là địa điểm làm lán đã được Bác quyết định. Bác ngồi xuống phiến đá, hỏi “Ở đây có rau không?”. Thưa: Ở đây chỉ có măng, còn rau thì hiếm lắm, nhưng có nhiều chẻ xanh. Bác gật đầu: “Có măng là tốt. Măng chầm muối vừng, còn chẻ xanh đun kỹ, lấy nước chan cơm...”.

Chiếc lán được dựng lên, dài khoảng 4 mét, lợp lá cọ. Bên trong là một chiếc sạp tre để Bác nằm. Chỗ này gần suối, gần núi, thoáng rộng, tầm nhìn được xa và không khí trong lành. Ông Hoàng Trung Nguyên làm liên lạc và tiếp tế cho Bác. Bấy giờ, bản làng dầu nghèo, nhưng thức ăn của Bác vẫn tạm “đủ dùng”. Ông Nguyên đem măng và gạo lên, có lần, ông mang cả lươn và cá suối lên để “bồi dưỡng” cho Ông Cụ.

Ông Hoàng Trung Nguyên nhớ lại lần Bác về thăm Tân Trào. Đó là vào tháng 2 năm 1961. Lần này về thăm khu căn cứ cách mạng, “Thủ đô xanh” trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Bác đi bằng máy bay lên thẳng. Máy bay hạ cánh xuống đám ruộng khô trước đình Tân Trào. Bà con ứa ra đón Bác. Ông Nguyên đến gần Bác, Bác bắt tay ông và hỏi: “Bố mẹ cháu vẫn khoẻ chứ? Cu Ngọc thế nào?”. Ông bàng hoàng, không ngờ Bác vẫn

nhớ tên con mình. “Dạ, thưa Bác, cả nhà được bình yên. Cháu Ngọc đang làm nhiệm vụ tiểu phi ở Hoàng Su Phì”.

Được sống gần Bác mấy năm về trước, ông Nguyên biết rõ tính Bác: sống giản dị, lúc nào cũng mong được gần dân và thương yêu mọi người. Do vậy, lần này Bác về thăm, ông và hai người nữa vội vác ba tấm phản xuống bờ suối chỗ có cây vồ Bác thường nghỉ trước kia.

Sau cuộc gặp gỡ bà con, Bác nghỉ và ăn trưa. Bác dùng bữa trên mấy tấm phản gỗ mỏng kê cạnh bờ suối. Nhìn Bác ăn ngon lành ai cũng mừng. Lần Bác về thăm năm ấy, cả Tân Trào làm theo lời Bác: gắng trồng thêm lúa màu, gắng chăn nuôi, động viên con em đi học cái chữ cho giỏi và giữ gìn những phong tục đẹp ở bản làng.

Trời ban cho cụ Hoàng Trung Nguyên đã vượt qua tuổi 80. Thời con trẻ là một “tự vệ đỏ”, là một người có may mắn được gần Bác Hồ. Cụ nói với bà con, anh em: “Đó là hạnh phúc lớn lao của đời tôi”.

NHỚ BÁC



Kháng chiến chống Pháp, ông là người chỉ huy “Thủy đội Bạch Đằng” trên chiến trường Liên khu 5. Thời ấy, chiến trường Liên khu 5 - “Khúc ruột miền Trung” - là một địa bàn vừa ác liệt vừa gian khổ. Trên chiến trường này, quân và dân Liên khu đã vượt qua nhiều thử thách và đã có những sáng kiến táo bạo được ghi vào sử sách. Ví như: đêm đêm những chuyến xe goòng vẫn chạy trên đường sắt để chuyên chở lương thực, vũ khí trên suốt tuyến đường dài của Quảng Ngãi. Xe goòng nhỏ gọn, sức chở khá, đó là một trong những phương tiện tốt nhất để phục vụ cho cuộc kháng chiến lâu dài trên chiến trường này.

“Thủy đội Bạch Đằng” do ông Nguyễn Bá Phát chỉ huy là một binh chủng cơ động trên sông biển, vừa vận chuyển, vừa đánh địch, rất phù hợp với địa hình Liên khu 5. Không phải khi sinh ra ông đã thạo nghề sông nước, mà vì bản thân ông đã có nhiều năm lênh đênh trên biển cả, trên các đại dương.

Ông kể về thời tuổi trẻ của mình: “Tôi lớn lên trong một gia đình nghèo, cha là nhà nho có tình thân yêu nước, dạy chữ Hán có tiếng ở trong vùng. Năm 16 tuổi, tôi xin đi làm ở các tàu cho Pháp. Sáu năm lênh đênh trên biển cả, tôi đi đến nhiều bờ biển châu Á, châu Phi, qua tận đảo Rê-uy-ni-ông hay Ma-đa-gát-ca. Trong các câu lạc bộ thủy thủ, tôi được nghe nhiều chuyện, từ cộng sản đến xã hội, từ tự do đến cách mạng và nhiều thông tin ở quê nhà. Năm 1945, sau khi đến Sài Gòn, tôi trốn về quê, rồi tham gia Ủy ban cách mạng của làng Trung Sơn, huyện Hoà Vang, Quảng Nam”.

Trong cuộc đời quân ngũ, đến tuổi nghỉ theo chế độ, vị tướng Hải quân bị bệnh phải đi nằm viện. Và đây cũng là dịp ông nhớ lại chặng đường mà ông đã đi qua từ ngày ghé vai gánh vác công việc vô cùng nặng nhọc: một vị chỉ huy trong Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân. Và, có một nỗi nhớ da diết, đó là nỗi nhớ Bác Hồ, nhớ mỗi lần gặp Bác được Gác ân cần thăm hỏi và chỉ bảo cặn kẽ mọi điều. Trong tập hồi ký của mình, ông đang viết, ông cố nhớ những sự kiện chính mà đời ông đã gắn bó với Quân chủng biển khơi này.

Mở những trang sách *“Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam”*, có thể thấy những bước đi của vị tướng Tư lệnh Hải quân Nguyễn Bá Phát. Ngày 24 tháng 1 năm 1959, Bộ Quốc phòng ra Nghị định

thành lập Cục Hải quân. Đại tá Tạ Xuân Thu, Cục trưởng kiêm Chính uỷ, Đại tá Nguyễn Bá Phát, Cục phó. Ngày 3 tháng 1 năm 1964, Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Hải quân. Thiếu tướng Tạ Xuân Thu, Tư lệnh kiêm Chính uỷ, Đại tá Nguyễn Bá Phát, Phó Tư lệnh. Năm 1967, đồng chí Nguyễn Bá Phát nhận chức Tư lệnh Hải quân, đồng chí Hoàng Trà, Chính uỷ.

Ông nhớ lại lần đầu tiên được gặp Bác Hồ. Bác đặt bàn tay ấm lên vai ông và hỏi một câu thân mật: “Chú là chú Phát đây sao? Chú là người chỉ huy Thủy đội Bạch Đằng đấy à?”. Ông nghe Bác hỏi mà cảm thấy rưng rưng nước mắt. Thật là một câu hỏi chứa biết bao nhiêu ân tình của Bác đối với những anh bộ đội đang chiến đấu nơi chiến trường xa đầy hiểm nguy, gian khó.

Ngày 15 tháng 3 năm 1961, Bác về thăm Quân chủng Hải quân lần thứ hai. Phó Tư lệnh Nguyễn Bá Phát đi theo Bác khi Bác đi kiểm tra vùng biển Đông Bắc. Con tàu Hải quân đưa Bác đến hang Đầu Gỗ - nơi xưa kia Thống soái Trần Hưng Đạo đã dùng hang này làm công trường để đẽo nhọn cọc gỗ cắm xuống sông Bạch Đằng trong trận đánh Bạch Đằng lịch sử, tiêu diệt cánh quân thuỷ của quân Nguyên - Mông.

Bác đứng trên mũi tàu, ngắm trời, ngắm biển, phóng tầm mắt ra trùng khơi rồi Bác nói với mọi

người: “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng. Ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó”. Phó Tư lệnh Nguyễn Bá Phát và tất cả cán bộ, chiến sĩ Hải quân đi theo Bác hôm ấy, ai nấy đều thần thía lời dạy của Bác. Ông nghĩ: Đó là lời dạy sâu sắc của Bác và đó cũng là Bác giao nhiệm vụ cho Hải quân, cho lực lượng vũ trang và cho tất cả thầy công dân Việt Nam.

BẮC BỘ PHỦ, NHỮNG NGÀY ĐÁNG NHỚ



Sau ngày ta giành được chính quyền, Bác Hồ làm việc tại Bắc Bộ Phủ. Đây là ngôi nhà ba tầng - tầng hầm và hai tầng trên - do Pháp xây vừa đẹp lại vừa vững chắc. Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng - Phó Chủ tịch nước làm việc ở tầng ba. Tầng hai là nơi tiếp khách và phòng họp của Chính phủ. Tầng hầm, thời Pháp dùng làm kho, nay là bếp nấu ăn cho Bác Hồ và cụ Huỳnh. Trung đội 1, anh Tạ Doãn Dịch làm Tiểu đội trưởng, cũng đóng tại tầng hầm này.

Những ngày ở Bắc Bộ Phủ, đơn vị bảo vệ Bác thường xuyên được gặp Ông Cụ. Anh Tạ Doãn Dịch sau là Trung đội trưởng của Trung đoàn Thủ đô, chiến đấu tại mặt trận Hà Nội, vẫn nhớ những ngày đầu được gặp Bác. Khi những sợi tóc trên đầu đã ngả màu bạc, trên vai áo mang quân hàm Đại tá - một cựu chiến binh Hà Nội - anh càng nhớ Bác, nhớ đến cả những chi tiết vừa sống động, vừa ân tình của Bác đối với các chiến sĩ đóng quân ở

đây. Thời ấy, các anh gọi Bác bằng Cụ vì kính trọng vị Chủ tịch nước tuổi cao.

Một lần Trung đội đang ăn cơm, Bác từ tầng trên đi xuống dưới nhà. Bác đến chỗ anh em đang ăn cơm. Trên mâm, chỉ có đĩa rau muống luộc, mấy miếng đậu phụ kho tương, bát nước rau luộc vắt chanh. Bác nói với anh em:

- Nước nhà mới giành được chính quyền, ta lại vừa trải qua nạn đói năm 1945, nên còn nghèo lắm. Nay lại phải lo đối phó với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Chính phủ chưa thể tăng tiêu chuẩn ăn cho bộ đội. Các chú cố gắng trồng được rau, dồn tiền mua thức ăn để cải thiện bữa ăn.

Rồi Bác hỏi:

- Mỗi tuần các chú vẫn nhịn một bữa để cứu đói đấy chứ?

- Dạ, thưa Cụ, chúng cháu vẫn nhịn ăn một bữa vào chiều thứ sáu hàng tuần đấy ạ!

Nghe xong, anh em thấy Bác trầm ngâm rồi lặng lẽ lên gác.

Mấy hôm sau, chỉ huy đơn vị triệu tập anh em họp và truyền đạt lại chỉ thị mới của Ông Cụ: Từ nay các chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ Bắc Bộ Phủ không nhịn ăn mỗi bữa một tuần nữa để lấy sức luyện tập và canh gác. Bác còn nói: bộ đội phần lớn

tuổi còn trẻ, đang sức ăn sức lớn, ăn tuy không đói nhưng toàn gạo cũ, ít chất, thức ăn lại không có gì, để anh em nhịn ăn một bữa mỗi tuần thì còn sức đâu mà luyện tập và canh gác. Anh em nghe phổ biến xong, ai nấy đều xúc động về sự quan tâm đặc biệt của Bác đối với bộ đội.

Đạo ấy là tháng 7, Hà Nội trời nắng nóng. Trung đội 1 nằm dưới tầng hầm đã nóng hầm hập lại không có quạt trần. Bác xuống chỗ anh em ngủ, gặp anh Tạ Doãn Dịch, Bác hỏi:

- Chú là Tiểu đội trưởng phải không?

- Dạ, thưa Cụ, vâng ạ!

- Trời nóng thế này, anh em ngủ sao được. Trên tầng hai, phòng họp rộng rãi, lại có quạt trần, Bác cho phép các chú, từ nay đêm nào nóng quá lên đây mà ngủ. Sáng ra dọn dẹp xong lại xuống. Bây giờ các chú có thể lên ngay. Lúc này là 11 rưỡi đêm rồi. Sáng mai, cấp trên của chú có hỏi, chú cứ báo cáo là Bác đã cho phép...

Gần Bác, anh em trong đơn vị học được nhiều điều hay, điều tốt một cách thiết thực. Một lần, Bác thấy anh em viết khẩu hiệu trên tường, chữ rất đẹp: “Nước Việt Nam độc lập muôn năm!” và: “Hồ Chủ tịch muôn năm!”. Bác nói vui:

- Các chú viết chữ “muôn năm” mà không có dấu mũ ở “ô”, không có dấu ở chữ “ă” thì có thể đọc

là “Hồ Chủ tịch muốn nằm” cũng được. Các chú gắng sửa đi. Làm điều gì dù to dù nhỏ cũng phải suy nghĩ cho kỹ, đã làm thì phải cẩn thận.

Nghe lời Bác dạy, anh em trong đơn vị ai cũng thấm thía, ai cũng cảm thấy Bác cẩn thận từ việc nhỏ. Đây là bài học thiết thực, cụ thể cho mỗi người khi được ở gần Bác.

Đại tá cựu chiến binh họ Tạ kể thêm về cuộc họp mặt thân mật giữa Bác và đơn vị bảo vệ nhân dịp mừng lễ Quốc khánh năm 1946. Lúc ấy, vào khoảng 5 giờ chiều ngày 2 tháng 9 năm 1946, các anh được cán bộ chỉ huy báo cho biết: các cán bộ từ tiểu đội trưởng trở lên và mỗi tiểu đội cử thêm hai chiến sĩ lên tầng hai họp. Lên đến nơi, mọi người mới biết Bác mời đại biểu của đơn vị bảo vệ Bắc Bộ Phủ lên dự liên hoan mừng Quốc khánh do Bác chiêu đãi. Trên chiếc bàn dài phủ khăn trắng đã bày nhiều thức ăn ngon, có cả bia Ômen (loại bia của Pháp sản xuất tại Hà Nội) và bánh kẹo. Bác đứng giữa, cán bộ chiến sĩ đứng xung quanh. Bác nâng cốc bia, nói:

- Trưa và chiều nay, Bác đã chiêu đãi Chính phủ và khách nước ngoài nhân dịp ngày độc lập 2-9. Bác đã dặn nhà bếp dành đồ ăn thức uống để Bác chiêu đãi các chú. Đây là cuộc chiêu đãi nội bộ. Gọi là nội bộ vì các chú là người nhà, ở và làm việc cùng nhà với Bác. Bác mời tất cả các chú uống bia

và ăn uống thoải mái. Các chú cứ tự nhiên, ăn không hết, các chú lấy về cho anh em ở nhà...

Hơn 50 năm đã trôi qua, anh Tạ Doãn Định vẫn nhớ những ngày ở Bắc Bộ Phủ. Trong cuộc đời chiến sĩ, anh cảm thấy mình có hạnh phúc lớn là được ở gần Bác, được Bác chỉ bảo cho nhiều điều hay, điều tốt. Cho đến khi về hưu, mỗi lần qua Bắc Bộ Phủ - nay là Nhà khách của Chính phủ - anh vẫn cảm thấy ngôi nhà ấy sao mà thân thiết quá, gần gũi quá...

BÁC DẠY: ĐẠO LÀM TƯỚNG



Ông là vị Thượng tướng cựu chiến binh. Ông đã “đi xa” mấy năm nay. Quê ông ở miền núi phía Bắc, nơi có phong trào cách mạng rất sớm, đặc biệt là ở sáu tỉnh Cao - Bắc - Lạng - Thái - Hà - Tuyên. Được giác ngộ cách mạng, ông tham gia hoạt động ở cơ sở rồi thoát ly, vào Giải phóng quân. Đó là anh bộ đội trẻ vừa hăng hái vừa đầy sức lực.

Tư liệu còn giữ cho hay: Danh sách các cán bộ, đại đội và trung đội của đại đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đầu tiên được tổ chức sau hai trận đầu toàn thắng: trận Phai Khắt (25-12-1944) và trận Nà Ngần (26-12-1944), trong danh sách này có tên ông - Trung đội trưởng Đàm Quang Trung. Xin được ghi thêm để bạn đọc rộng đường tham khảo. Chỉ huy đại đội gồm các đồng chí:

- Hoàng Sâm, Đại đội trưởng.
- Xích Thắng, Chính trị viên đại đội.
- Hoàng Văn Thái, tình báo và kế hoạch tác chiến.

- Lâm Kính, công tác chính trị.
- Nam Tuấn, Trung đội trưởng Trung đội 1.
- Đàm Quốc Chung, Trung đội trưởng Trung đội 2.
- Đàm Quang Trung, Trung đội trưởng Trung đội 3.
- Lâm Thành, Trung đội trưởng Trung đội 4.

Là người chỉ huy Trung đội 3 của đại đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đầu tiên, đồng chí Đàm Quang Trung được chiến sĩ yêu mến bởi đức tính cương trực, tác phong xông xáo, gần gũi anh em. Từ thuở ban đầu ấy, người Trung đội trưởng Trung đội 3 này tỏ ra là một cán bộ mẫu mực, có năng lực chỉ huy, chịu khó học tập.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chi đội Việt Nam Giải phóng quân do Đàm Quang Trung chỉ huy là đơn vị đầu tiên từ Việt Bắc tiến về Hà Nội. Ngày 21 tháng 8 năm 1945, đơn vị ông qua cầu Long Biên vào nội thành. Lúc ấy là 6 giờ chiều, nhân dân đứng hai bên đường vẫy tay chào đón, hoan hô “bộ đội cách mạng” đã về.

Lúc ấy, ở trong thành đã có Trung đội Vi Dân. Trung đội trưởng Trung đội Vi Dân kể: “Được chứng kiến chi đội Việt Nam Giải phóng quân vào thành, chúng tôi mừng lắm. Anh Đàm Quang Trung đã san sẻ cho chúng tôi một số súng tốt như

Sten, Tôm-xông, Các-bin. Anh Đàm Quang Trung còn tặng cho tôi một khẩu Pạc-hoọc, loại tiểu liên báng rút, gọn như khẩu súng lục cỡ lớn. Chi đội do anh Đàm Quang Trung chỉ huy có nhiệm vụ bảo vệ Chính phủ lâm thời...”.

Từ chiến khu về Thủ đô, ông được gặp Bác lần đầu tiên ở Hà Nội tại số nhà 18 Hàng Ngang. Ông kể: “Gặp tôi, Bác nói vui: Chú về Hà Nội thì kèn trống đón mừng inh ỏi, đi đến đâu cũng nghe nói đến chi đội Quang Trung. Còn Bác, đến lúc này vẫn chưa ai biết Bác là ai và ở đâu. Ở Việt Bắc, Bác là Cụ Ké, còn về đây Bác là cụ già”.

Ông nhận nhiệm vụ đi vào chiến trường phía Nam. Trước khi đi, ông được Bác gọi lên dặn dò. Ông nhớ lại “Buổi tối hôm lên đường, Bác gọi tôi lên phòng làm việc, hỏi thăm tình hình gia đình, hỏi tôi có gì khó khăn. Tôi thưa với Bác là tôi đã chuẩn bị sẵn sàng. Trong phòng chỉ có hai Bác cháu và tự nhiên tôi bỗng cảm thấy buồn ngủ bởi ngày mai xa Bác, gần một năm được sống bên cạnh Bác, được Bác chăm sóc yêu thương, ân cần dạy dỗ. Thời gian một năm được sống gần Bác, tôi như được qua một trường huấn luyện đặc biệt hiếm có...”.

Ông kể tiếp về buổi tối gặp Bác lần ấy:

“Chú lên đường đi chiến trường xa xôi. Bác nói với chú về nhân cách của một người làm tướng.

Trong tướng có nhiều loại. Mãnh tướng như Trương Phi, dũng tướng như Quan Vân Trường, hồ tướng như Triệu Tử Long. Các loại tướng như thế đều tốt. Nhưng theo Bác, cuộc chiến đấu của chúng ta, cần nhiều các nhân tướng, vì đây là cuộc chiến đấu vì con người. Bác giải thích về nhân tướng: Nhân tướng là người tướng hiểu con người, biết quý con người, biết dùng người và được mọi người yêu quý. Chỉ có những vị tướng như thế mới trăm trận trăm thắng được”.

Lời dạy của Bác, ông đã gắng thực hiện suốt cả cuộc đời binh nghiệp của mình.

NGƯỜI LÍNH CẬN VỆ CỦA CỤ HỒ



Ở phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội, có một cặp vợ chồng già, nguyên là cán bộ Cảnh vệ CAND đã nghỉ hưu. Ông tên là Nguyễn Ngọc Cẩn đội viên TNXP, còn bà là Lưu Thị Tĩnh. Hai ông bà trước đây mỗi người một nhiệm vụ, nhưng cả hai đều vinh dự là được bảo vệ, tiếp cận và chăm sóc sức khoẻ Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt 14 năm, từ 1955 đến 1969.

Mười bốn năm, tuy là một quãng thời gian ngắn ngủi nhưng đã lưu giữ lại nhiều kỷ niệm đẹp đối với vợ chồng ông Cẩn. Hiện giờ, trong chiếc tủ tường phoóc-mi-ca có lắp cửa kính trong suốt như pha lê (tài sản có giá trị nhất của gia đình), ông bà Cẩn đặt những tấm ảnh Cụ Hồ chụp chung với các chiến sĩ cảnh vệ ở vị trí trang trọng nhất. Trong số các tấm ảnh đó, có nhiều ảnh vợ chồng ông được chụp chung với Cụ Hồ. Khách đến thăm nhà, sau khi ngắm những tấm ảnh quý trong tủ kính, mọi người hầu như đều có suy nghĩ giống nhau. Nhiều người bảo ông bà Cẩn là những người hạnh phúc

nhất bởi trong suốt 14 năm được gần gũi, bảo vệ, săn sóc Cụ Hồ. Cũng có người nói vui theo lối dân dã rằng: xưa nay hiếm có trường hợp “thế gian được cả vợ lẫn chồng” như trường hợp vợ chồng ông Cẩn. Quả đúng như vậy. Ông bà Cẩn là cặp vợ chồng duy nhất từ trước đến nay trong lực lượng Cảnh vệ CAND có vinh dự được bảo vệ Cụ Hồ.

Theo ông Cẩn, để được đứng vào đội ngũ những người bảo vệ, tiếp cận các vị lãnh tụ, nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản thân ông phải tự giác phấn đấu, rèn luyện không ngừng về phẩm chất chính trị, phong cách, lối sống, năng lực công tác... mới lọt được vào “mắt xanh” của cơ quan tổ chức và của các đồng chí lãnh đạo đơn vị. Ông còn khẳng định chỉ khi nào người cán bộ có đủ các tiêu chuẩn cần thiết của một chiến sĩ cận vệ thì lúc đó lãnh đạo mới lựa chọn để đào tạo, bồi dưỡng (họ) trở thành cán bộ bảo vệ tiếp cận lãnh tụ.

Cũng theo ông Cẩn, trong thời gian hơn mười năm được sống gần Cụ Hồ, vợ chồng ông còn nhớ như in nhiều kỷ niệm đẹp về Hồ Chủ tịch. Kỷ niệm sâu sắc nhất là lần đầu tiên vợ chồng ông cùng với nhiều người khác như: Bảo vệ tiếp cận, thư ký, bác sĩ, nấu ăn... đã được trực tiếp gặp Cụ Hồ. Hôm ấy ai cũng khấp khởi, vừa mừng vừa lo; mừng bởi vinh dự quá lớn lao, hàng ngày được trực tiếp bảo vệ, săn sóc Cụ Hồ; lo vì trách nhiệm hết sức nặng mà Đảng và ngành giao phó... Vậy mà khi gặp Cụ Hồ, mọi nỗi lo đều tan biến hết, chỉ còn lại niềm

vui bởi tất cả mọi người đều được sống trong tình thương yêu của Người Cha già dân tộc. Bà Tính kể: Hôm đó Cụ Hồ vui lắm. Cụ ân cần thăm hỏi từng người về hoàn cảnh gia đình, về nhiệm vụ công tác được giao... Đến lượt bà, Cụ hỏi:

- Cháu ở đoàn thể nào?

- Thưa Bác, cháu là chiến sĩ của lực lượng CAND ạ! - bà Tính thưa.

- Cháu làm nhiệm vụ gì?

- Dạ thưa, cháu được giao nhiệm vụ kiểm nghiệm và đảm bảo về an toàn thực phẩm phục vụ các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước ạ!

Cụ Hồ khen:

- Phụ nữ thường có tính cẩn thận. Cháu làm việc đó rất hợp. - Rồi Cụ quay sang hỏi chuyện người khác...

Kỷ niệm sâu sắc thứ hai là năm 1961, ông bà Cẩn tổ chức lễ cưới. Cụ Hồ tuy không tới dự được, nhưng Người đã nhờ đồng chí Vũ Kỳ, thư ký riêng, đến tặng vợ chồng ông một đôi hài rất đẹp. Sau này ông bà Cẩn mới biết đôi hài đó là quà của Thủ tướng Trung Quốc - Chu Ân Lai sang thăm Việt Nam, biếu Cụ Hồ đi cho nhẹ và khỏi lạnh chân trong những ngày mùa đông giá rét. Ông Cẩn bảo đôi hài ấy vừa như có sức mạnh tinh thần lại vừa có cả sức mạnh vật chất, giúp ông vượt qua mọi khó khăn vất vả, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Sau ngày cưới, vợ chồng ông Cẩn được Văn phòng Phủ Chủ tịch sắp xếp cho ở một căn phòng rộng chừng hơn 10m² trong khu vực Phủ Chủ tịch. Ông Cẩn rất ngại nên đã tìm cách từ chối. Ông giải thích với cán bộ văn phòng rằng, vợ chồng ông đã được đơn vị bố trí nhà ở rồi, xin nhường căn phòng đó cho người khác. Tuy nhiên cán bộ văn phòng lại yêu cầu vợ chồng ông cứ ở đó để tiện việc bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ Cụ Hồ. Vợ chồng ông Cẩn đã chấp hành và ở trong khu vực Phủ Chủ tịch hơn một năm. Năm 1962, khi đứa con trai đầu lòng ra đời, vợ chồng ông xin phép và được Văn phòng Phủ Chủ tịch đồng ý cho chuyển ra khu chung cư của đơn vị Cảnh vệ.

Một kỷ niệm sâu sắc khác là vào dịp Tết Nguyên đán, Cụ Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường tổ chức cho các chiến sĩ cận vệ, thư ký, bác sĩ, lái xe... ăn Tết cùng với mình ngay trong khu vực Phủ Chủ tịch. Những cái Tết ấy tuy đã đi vào dĩ vãng, nhưng mỗi khi nhắc lại, ông Cẩn vẫn thấy gần gũi như vừa diễn ra hôm nào. Ông xúc động kể lại: trong nhiều lần được ăn Tết với Cụ Hồ, ông Cẩn và các đồng đội được Cụ Hồ thương yêu. Cụ đi từng bàn gấp thức ăn và xẻ từng miếng bánh chưng xanh vào bát của từng người. Cụ bảo đất nước mình còn nghèo, các cháu phải ăn cho hết, kéo lãng phí.

Từ năm 1967 trở đi, do sức khoẻ giảm sút, mỗi khi có khách đến tiếp kiến Cụ Hồ, ông Cẩn thường cùng anh em Cảnh vệ phải dìu Cụ từ nhà sàn sang phòng tiếp khách của Phủ Chủ tịch. Cụ Hồ tiếp

khách xong, anh em lại dìu Cụ về nhà sàn. Trong hoàn cảnh như vậy, Cụ Hồ vẫn lạc quan và hình như Người không muốn làm phiền các chiến sĩ Cảnh vệ. Ông Cẩn cho biết, những lúc dìu Cụ đi đến chỗ bằng phẳng. Cụ bảo: Các cháu cứ để Bác tự đi cho gân cốt khoẻ ra để Bác còn vào thăm đồng bào miền Nam...

Quả thật, đồng bào miền Nam luôn ở trong trái tim Bác. Mong ước cháy bỏng của Người là được vào thăm đồng bào miền Nam, tuy chưa toại nguyện, nhưng con đường cách mạng mà Người vạch ra đã được toàn Đảng, toàn dân biến thành hiện thực kể từ ngày 30-4-1975 - ngày đất nước hoàn toàn thống nhất.

Suốt mười bốn năm làm người lính cận vệ của Cụ Hồ, vợ chồng ông Cẩn đã học được ở người Thầy, người Cha kính yêu rất nhiều điều bổ ích. Trước hết là về phẩm chất đạo đức cách mạng, về phong cách làm việc khoa học, về lối sống thâm trầm chất nhân văn và giàu lòng nhân ái... Học tập đạo đức cách mạng của Cụ Hồ đã giúp ông Cẩn vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Giờ đây dấu trong cuộc sống đang còn bộn bề những nghĩ suy, trăn trở... song vợ chồng ông Cẩn vẫn chẳng hề gợn lên một chút tính toán, đòi hỏi thiệt hơn gì về quá trình cống hiến, về chế độ đãi ngộ với riêng mình. Họ vẫn luôn vững tin vào con đường cách mạng mà Cụ Hồ và Đảng ta đã lựa chọn, bởi họ là những người lính cận vệ của Cụ Hồ.

Hoài Phương

HAI CÂU CHUYỆN NHỎ VỀ MỘT CON NGƯỜI VĨ ĐẠI



Chuyện về đôi dép

Năm 1958, tôi được chuyển qua lực lượng cảnh vệ, được đề bạt lên Phó Cục trưởng Cục Cảnh vệ. Cũng năm đó Bác Hồ có những chuyến công du quan trọng ra nước ngoài, trước là Ấn Độ, sau đó là Miến Điện, tôi là một trong những người may mắn được tháp tùng.

Lần đầu tiên trong đời tôi được bảo vệ Bác đi công tác nước ngoài chính là chuyến Bác đi thăm Ấn Độ. Đội bảo vệ tất cả có 7 người. Hôm đó còn có anh Vũ Kỳ đi nữa. Khi lên máy bay, do mùa rét nên Bác mang giày vải cho ấm chân. Nhân lúc đó, anh Vũ Kỳ bàn với tôi mang đôi dép cao su của Bác giấu đi. Hồi đó, chúng tôi chỉ nghĩ đơn giản: Sao Bác lại mang đôi dép cao su đi ra với thế giới, phải có giày lể tân sang trọng mới được. Thế nhưng, khi máy bay gần đến Niu Đêli, Bác hỏi dép của Bác

đâu. Do muốn đặt Bác trước tình thế chuyện đã rồi (phải mang giày) nên anh Vũ Kỳ thưa với Bác là dép đang để dưới bụng máy bay. Ai ngờ, Bác không chịu! Bác bảo: “Các cháu làm vậy là không được”. Khi máy bay vừa đáp Bác bảo lấy đôi dép cao su cho bằng được mới thôi. Khi viếng mộ Gandhi, theo quy định chung khách vào thăm hỏi phải để giày dép ở bên ngoài. Tuy nhiên, đối với Bác, người lễ tân dạn cứ mang dép vào, song Bác không chịu. Lúc Bác cởi dép ra, một tình huống náo loạn ngoài dự kiến đã xảy ra. Cảnh nhà báo chen lấn nhau để quay phim, chụp ảnh cho bằng được đôi dép của Người. Rồi nhân dân Ấn Độ nữa, họ chen nhau đưa tay lên sờ đôi dép như thể chớp lấy thứ thuốc “trường sinh bất lão!”. Tôi và anh em bảo vệ phải vất vả lắm mới “bảo vệ” được đôi dép của Bác. Còn nhớ những lần đi có đôi vợ chồng vị Bộ trưởng Bộ Giáo dục Ấn Độ được Bác Hồ đồng ý tiếp, họ rất xúc động. Nhìn Bác đi đôi dép cao su hai vợ chồng họ ghen ngào: “Nghe tiếng đã lâu hôm nay mới thấy tận mắt, đúng là Chủ tịch Hồ Chí Minh giản dị, thân thương quá!”.

Phê phán căn bệnh hình thức chủ nghĩa

Trong cuộc sống Bác không thích căn bệnh hình thức chủ nghĩa. Bác tôn trọng hình thức nhưng đó chỉ là những cái cần thiết, những lúc cần thiết. Những gì là hình thức, không cần thiết, bắt

người khác phải theo, tổn hao công sức và tiền bạc của dân thì Bác không bao giờ chấp nhận.

Tôi nhớ, năm 1960, Bác Hồ có dịp về thăm quê ở Nghệ An. Trước lúc Bác về tôi được cử đi tiên trạm. Tôi dặn các đồng chí trong Tỉnh uỷ Nghệ An: Lần này Bác về thăm quê, các anh đừng làm những gì không cần thiết để Bác phật lòng, phương châm là tôn trọng, chu đáo nhưng phải tiết kiệm. Các đồng chí ở Tỉnh uỷ Nghệ An không đồng ý, muốn làm lớn vì đã lâu Bác mới có dịp về thăm quê. Tỉnh uỷ chuẩn bị sẵn một chiếc ô tô con, mui trần để đi đón Bác. Tôi bảo như vậy cũng được nhưng hình thức chiếc xe bình thường thôi. Các anh Tỉnh uỷ “chơi nổi” lấy vải trắng kết xung quanh xe, rồi còn lót vải trắng trong xe...

Bác xuống sân bay Nghệ An, các đồng chí Tỉnh uỷ niềm nở mời Bác lên chiếc xe đó. Bác nhìn chiếc xe rồi cười: “Mấy chú cứ ngồi chiếc xe này chứ Bác không ngồi đâu. Bác về là cốt để thăm quê hương, đồng bào chứ có là quan khách đâu mà các chú làm hình thức, tốn kém”. Nói đoạn, Bác đi đến chiếc xe đi đầu, mui trần của bảo vệ, bước lên ngồi cạnh anh tài xế. Sau phen ngỡ ngác, anh em bảo vệ buộc phải ngồi trên chiếc xe bọc vải trắng. Dọc đường nhân dân đi đón Bác đều hướng mắt vào chiếc xe vải trắng nhưng chỉ thấy toàn cảnh vệ, chẳng thấy Bác đâu. Ít ai ngờ được rằng chính Bác lại ngồi ở chiếc xe bình thường của cảnh vệ đi đầu.

Về đến nhà khách Tỉnh uỷ, vừa trò chuyện Bác vừa nhìn ra con đường đi vào thấy có nhiều bông hoa rực rỡ nở đều trồng hai hàng ngay ngắn. Bất chợt Bác đi ra đường dùng tay nhổ nhẹ một cành hoa lay ơn. Tuyệt nhiên cành hoa nhẹ bổng, phía gốc không có một chiếc rễ nào. Gọi đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ đến Bác bảo: “Đây là một việc làm thiếu chân thực và lãng phí. Tưởng các chú trồng hoa thì hay, có lợi cho môi trường. Nào ngờ vì Bác vào thăm nên các cháu phải mua bông này về trồng. “Trồng” hình thức nó sẽ chết. Đây là một căn bệnh phô trương hình thức. Đón Bác như thế này Bác không vừa lòng”. Các đồng chí trong Tỉnh uỷ Nghệ An liền đồng thanh xin lỗi Bác và hứa sẽ sửa chữa khuyết điểm.

Qua hai câu chuyện nhỏ kể trên đã thể hiện được quan điểm của Bác Hồ lúc nào cũng giản dị, tiết kiệm. Phong cách sống giản dị đã làm cho Bác trở thành một vị lãnh tụ vĩ đại ngay trong những việc nhỏ nhất, bình thường.

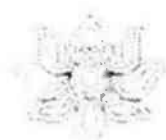
*PV (Ghi theo lời kể của Thiếu tướng Phan Văn Xoàn)
Báo Gia đình - Xã hội số 40, 18 -> 22-5-2001.*

PHẦN THỨ HAI

BÁC HỒ

VỚI

THANH NIÊN XUNG PHONG



NHỚ MÃI NGÀY GẶP BÁC



Vào thời gian này (7/1965) đế quốc Mỹ đã leo thang, mở rộng diện đánh phá ra toàn miền Bắc. Đúng 6h35' ngày 12-7-1965, Văn phòng Chủ tịch điện thoại gọi anh Vũ Quang, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn lên báo cáo với Bác về tổ chức TNXP. Anh Quang cử tôi đi và dặn: “Cậu chuẩn bị đi ngay vì Bác làm việc rất đúng giờ”.

Nhận được tin, lòng tôi xốn xang, mừng vui hoà lẫn xúc động và xen vào một ít mối lo. Thực ra trong đời hoạt động cách mạng của mình, tôi đã vinh dự được gặp Bác và nghe Bác nói chuyện nhiều lần, nhưng được trực tiếp báo cáo với Bác thì đây là lần đầu tiên. Tôi không sao tránh khỏi lo lắng, hồi hộp. Tôi băn khoăn không biết gặp Bác sẽ ăn nói như thế nào? Bác sẽ hỏi những vấn đề gì?

Đúng 7 giờ kém 15', anh em bảo vệ đưa tôi vào phòng làm việc của Bác. Đó là căn phòng đầu tiên của ngôi nhà một tầng nằm dưới bóng cây thoáng mát. Căn phòng thật đơn sơ, giản dị.

Đúng 7 giờ Bác xuất hiện, tay cầm chiếc quạt

lá cọ. Nhìn thấy Bác tôi liền đứng dậy, cúi đầu chào, Bác bắt tay tôi và hỏi:

- Chú đến lâu chưa?

- Dạ thưa Bác cháu cũng vừa mới đến ạ!

Cháu tên là Nguyễn Văn Đệ, Bí thư Trung ương Đoàn TNLD Việt Nam, làm Trưởng ban chỉ đạo TNXP của Trung ương Đoàn.

- Tốt, chú uống nước đi, rồi kể cho Bác nghe các chú tổ chức TNXP chống Mỹ cứu nước như thế nào? Các cháu gái, trai thanh niên đi TNXP ra sao? Có hăng hái tự nguyện không?

Tôi yên tâm một phần, vì vấn đề này tôi vừa mới nghe các địa phương phản ánh và đang tập hợp làm báo cáo với Ban Bí thư TW Đoàn. Tôi xin báo cáo với Bác. Đại ý: gần một tháng nay để xây dựng lực lượng TNXP tập trung, Bộ Lao động giao chỉ tiêu đợt đầu tuyển 5 vạn ở 14 tỉnh thành giao cho Bộ Quốc phòng 8000, Bộ GTVT kể cả Tổng cục Đường sắt trên 2 vạn, các ty giao thông các địa phương Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá trên 1 vạn rưỡi, và một số địa phương khác như Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hải Phòng trên 2000 cán bộ và đội viên TNXP.

Đợt tuyển này lấy tuổi từ 18 đến 30, tỷ lệ nữ 50%. Đợt tuyển rất gấp, nhưng các địa phương thực hiện hết sức khẩn trương. Theo báo cáo của

các địa phương, đã có trên 50% nữ thanh niên tham gia.

Số thanh niên làm đơn tình nguyện đông hơn nhiều so với chỉ tiêu cần tuyển. Ví dụ: Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, chỉ tiêu phân 200 nhưng số thanh niên làm đơn tình nguyện là gần 1.000. Huyện Can Lộc - Hà Tĩnh chỉ tiêu phân tuyển 400 nhưng số thanh niên nộp đơn tình nguyện là 3.193.

Đặc biệt số chị em thanh niên Việt kiều, thanh niên công giáo, thanh niên con em các dân tộc ít người, thanh niên con em các gia đình tư sản mới cải tạo xin đi rất đông. Ai cũng muốn được đi đợt đầu. Bác hỏi:

- Thế các chú có gặp khó khăn gì không?

- Dạ thưa Bác, khó khăn nhất của chúng cháu là làm sao giải thích cho nam nữ thanh niên chịu tạm thời ở lại ạ!

Bác mỉm cười... tỏ ý rất hài lòng và lại hỏi: Thế các chế độ chính sách đối với TNXP, các chú đã bàn bạc cụ thể chưa? Trang cấp quần áo, chăn màn cho các cháu ra sao?

- Dạ thưa Bác, Bộ Lao động đã ban hành thông tư số 07 ngày 30-6-1965 quy định rõ mọi chế độ ăn, tiêu vật hàng tháng, trang cấp quần áo chăn màn 1 năm, 3 năm rồi ạ.

Nhưng do tuyển tập, đi gấp nên trang cấp ban

đầu có đơn vị còn thiếu, chưa kịp đưa quần áo, chăn màn về thì quân đã lên đường.

- Thế là tốt, nhưng với các cháu gái, có chính sách cụ thể gì khác với cháu trai không?

Tôi đỏ mặt, lúng túng, quả thật khi bàn chính sách không ai đề cập cụ thể vấn đề này. Nhưng rồi tôi cũng trấn tĩnh và sợ Bác nên nói liều:

- Dạ thưa Bác chúng cháu có bàn riêng vấn đề vệ sinh của chị em phụ nữ ạ!

Bác nói: Các chú phải cùng với các ngành lao động, y tế, giao thông vận tải hết sức chú ý những đặc điểm yêu cầu riêng của các cháu gái. Trong công tác cũng không nên phân công cháu gái làm việc quá nặng, làm ảnh hưởng đến sức khỏe các cháu sau này.

Rồi Bác đứng dậy, vừa cười, vừa đưa hai tay lên trước bụng hỏi: Còn cái này nữa, to ra, các chú làm sao?

- Dạ thưa Bác, chúng cháu chú ý giáo dục đạo đức cho nam thanh niên, luôn xây dựng mối quan hệ lành mạnh ạ.

Bác cười và nói tiếp:

- Các chú còn phải giáo dục, căn dặn các cháu gái phải biết tự trọng, giữ mình, đấu tranh chống lại hành động xấu của con trai.

Bác nói tiếp: Để đánh thắng giặc Mỹ cần có những thanh niên dũng cảm, chịu đựng gian khổ ở những nơi địch đánh phá ác liệt, để sửa đường, sửa cầu, vận chuyển lương thực súng đạn cho thanh niên miền Nam đánh Mỹ.

Thanh niên hăng hái đi làm là tốt, nhưng các chú phải hết sức chú ý đến việc chăm lo giáo dục, sức khỏe, học tập văn hoá và đời sống vật chất, tinh thần của TNXP. Các chú giáo dục, động viên các cháu gái, trai làm việc, học tập tốt rồi báo cáo thành tích cho Bác, để Bác khen thưởng.

Quả nhiên sau đó không lâu, các đội TNXP phản ánh về tình hình nữ TNXP trả lại áo trấn thủ không mặc vì không hợp với nữ, những ngày kinh nguyệt không có vải màn làm băng vệ sinh, không có thuốc, không có chậu,... Bệnh phụ khoa nhưng không có y tá nữ...

Chúng tôi liền mời Bộ Lao động, Bộ Y tế, Bộ GTVT đến phản ánh, bàn bạc và ngay lập tức các ngành phải ra một loạt thông tư hướng dẫn bổ khuyết.

Nhớ lại những sự việc trên, tôi càng thấm thía sự quan tâm chăm sóc của Bác, sự sâu sát cụ thể và tâm lý của Bác. Dù trăm công nghìn việc, Bác vẫn giành cho TNXP sự quan tâm chăm sóc như cha đối với con vậy.

Và đúng như Bác hứa, chỉ sau hơn một năm hoạt động của lực lượng TNXP, ngày 26 tháng 9 năm 1966 Bác đã gửi thư khen lực lượng TNXP chống Mỹ cứu nước tập trung.

Ngày 12-1-1967 Bác đến dự và nói chuyện với Đại hội thi đua lực lượng TNXP chống Mỹ cứu nước toàn miền Bắc, và ngày 27-1-1969 Bác lại gửi thư khen Đại đội TNXP 333 hầu hết là nữ đã dũng cảm sản xuất, chiến đấu, học tập, lập nhiều thành tích xuất sắc tại trọng điểm cầu Cẩm, Nghệ An, nơi địch đánh phá ác liệt suốt ngày đêm.

Ngày Bác ra đi, toàn thể lực lượng TNXP vô cùng thương tiếc, hứa với nhau phải làm việc tốt hơn, nhiều hơn lúc Bác còn sống để Bác yên nghỉ.

7-1995

Nguyễn Văn Đệ

NHỚ LỜI BÁC

*Ghi theo lời kể của đồng chí Mai Đắc Hoạt –
Bí thư Đảng uỷ, Tổng giám đốc Tổng công ty XDCTGT8*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, là “anh hùng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá của nhân loại” được cả loài người tiến bộ tôn vinh, ngưỡng mộ (nhân kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Người (19-5-1890 - 19-5-1990).

Thế nhưng với mọi người dân bình thường, Bác lại vô cùng gần gũi, bởi Bác có tấm lòng bao dung vô bờ với mọi người, nhất là những người bị áp bức, những người nghèo khổ, những người có hoàn cảnh éo le.

Tôi nhớ có lần trả lời một nữ phóng viên báo Grama (Cu Ba), Bác nói đại ý: Mỗi gia đình, mỗi con người có những nỗi đau riêng. Cộng tất cả những nỗi đau của mọi người, mọi gia đình lại là nỗi đau của tôi! Thật đúng như lời thơ của Tố Hữu khi nói về trái tim Bác: “*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ...*” Bác quan tâm đến mọi địa phương, mọi ngành, mọi giới. Bởi thế địa phương nào, ngành nào, giới nào cũng nhận được sự quan tâm, tình thương yêu của Bác. Riêng tôi, gắn trọn đời gắn bó với ngành GTVT, tôi

cảm nhận về sự quan tâm đặc biệt của Bác đối với ngành. Bởi vì Bác đã từng nói: "... Bất kỳ ai muốn sống phải có bốn điều kiện: ăn, mặc, ở, đi lại" và "Giao thông vận tải là mạch máu của mọi công việc"

Ai đã từng được gặp Bác, dù chỉ một lần, sẽ để lại những kỷ niệm khó phai mờ.

Tôi có may mắn được một lần như vậy. Đó là lần tôi gặp Bác tại Đại hội thi đua đảm bảo giao thông vận tải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược tại thủ đô Hà Nội ngày 24-3-1966. Lần đó Bác đến chỉ đạo Đại hội cũng là chỉ đạo toàn dân ta quyết chiến thắng giặc Mỹ khi chúng ta mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân ra miền Bắc.

Với bộ quần áo màu nâu giản dị, Bác bước lên bục. Cả hội trường đứng lên vỗ tay vang dậy. Bác giơ hai tay ra hiệu cho mọi người ngừng vỗ tay và ngồi xuống, rồi Bác bắt đầu bài nói chuyện quan trọng nhưng thật dễ hiểu và vô cùng sâu sắc. Đầu tiên Bác cầm tờ báo *Nhân dân*, đưa ra phía trước rồi hỏi một cách thân mật: "Các cô, các chú đã đọc báo hôm nay chưa?". Đại hội làm việc từ sáng, nên nhiều người chưa kịp đọc báo. Một số người trả lời: "Thưa Bác chưa ạ!".

Bác liền đọc tóm tắt một đoạn: "Trong 40 ngày quân dân ta ở Bình Định đánh giỏi, diệt gọn hơn 7400 tên giặc Mỹ, nguy và chư hầu; bắn rơi hơn 300 máy bay địch. Quân dân miền Bắc tính đến hôm nay đã bắn rơi 931 máy bay Mỹ".

Sau đó Bác hỏi: “Ngành Giao thông vận tải có quyết tâm thi đua với dân quân miền Nam và bộ đội phòng không của ta không?”.

Cả hội trường đồng thanh: “Có ạ!”.

Bác khen: “Thế là tốt!”.

Tiếp đó, bằng cách nói rất dễ hiểu Bác nêu rõ tầm quan trọng của giao thông vận tải trong cuộc kháng chiến, trong sản xuất và đời sống. Bác chỉ rõ những việc phải làm. Bác biểu dương những thành tích, phân tích khuyết điểm, nhược điểm của ngành và chỉ ra phương hướng khắc phục, góp phần cùng toàn dân, toàn quân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Tôi nhớ nhất đoạn Bác nói: “Giao thông vận tải là một mặt trận. Mỗi cán bộ, công nhân, TNXP ngành giao thông vận tải phải là một chiến sĩ. Phải quyết tâm làm cho giao thông vận tải thắng lợi, giao thông vận tải thắng lợi là chiến tranh đã thắng lợi phần lớn rồi”.

Sau đó, Bác đọc tên 8 đơn vị lập công xuất sắc nhất rồi mời đại diện mỗi đơn vị lên phía trên. Bác bảo:

“Đây là những tập thể kiểu mẫu. Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ đặc biệt khen ngợi những tập thể này. Bác nghèo, không có gì thưởng. Bác đi bắt tay một cái, phải không?”.

Cả hội trường dậy lên tiếng vỗ tay.

Tôi vô cùng xúc động nhìn Bác thân thiết bắt tay những đại biểu xuất sắc nhất. Càng xúc động,

tôi càng suy nghĩ miên man. Tuy là chiến sĩ thi đua 5 năm liên của Viện Thiết kế giao thông, được về dự Đại hội là vinh dự lớn, nhưng tôi chưa phải là người lập công xuất sắc nhất, nên chưa được Bác khen và bắt tay. Tôi thầm hứa phải phấn đấu tốt hơn nữa để xứng đáng với Bác.

Ít lâu sau, tôi được điều sang Lào phụ trách công tác tổ chức cán bộ của Tổng đội TNXP 572 làm nhiệm vụ quốc tế. Chúng tôi thuộc lòng bài thơ của Bác về quan hệ hữu nghị Việt - Lào.

*“Thương nhau mấy núi cũng trèo
Mấy sông cũng vượt, mấy đèo cũng qua
Việt - Lào hai nước chúng ta
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long”.*

Tôi đã góp phần tổ chức, động viên anh chị em trong đơn vị thực hiện xuất sắc nhiệm vụ trên mặt trận giao thông vận tải suốt cả cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mười năm gian khổ, ác liệt của Bạn cho đến ngày đại thắng, thiết lập chế độ Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (2-12-1975). Sau đó đơn vị lại giúp Bạn khảo sát, thiết kế, thi công nhiều tuyến đường giao thông huyết mạch phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược bảo vệ và xây dựng tổ quốc Lào. Năm 1985, đơn vị chúng tôi được Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động.

Nhiều năm nay với cương vị mới là Bí thư Đảng uỷ, Phó Tổng giám đốc rồi Tổng giám đốc

Tổng công ty xây dựng Công trình giao thông 8, tôi luôn ghi nhớ những lời dạy của Bác, cố gắng học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần lãnh đạo Tổng công ty ngày càng trưởng thành, được hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam và Lào thưởng nhiều huân chương cao quý.

Đối với cán bộ, công nhân và TNXP làm công tác cầu đường, tôi luôn nhớ bài thơ “Trúc lộ phu” (Phu làm đường) trong tập “Nhật ký trong tù” Bác viết những năm 1942-1943, trong đó Bác hết lòng thông cảm với nỗi vất vả, khó nhọc của những người công nhân làm giao thông. Bài thơ Bác viết bằng chữ Hán:

*“Xan phong, dục vũ vị tăng hưu
Thảm đạm kinh doanh trúc lộ phu
Xa mã hành nhân lai vãng giả
Kỷ nhân cảm tạ nhĩ công lao?”.*

Nam Trân đã dịch như sau:

*“Dãi gió dầm mưa chẳng nghỉ ngơi
Phu đường vất vả lắm ai ơi!
Ngựa xe hành khách thường qua lại
Biết cảm ơn anh được mấy người?”.*

Hiểu tấm lòng của Bác đối với những người làm nghề cầu đường, trong quá trình lãnh đạo đơn vị chúng tôi luôn coi trọng yếu tố con người. Một mặt chúng tôi chọn hàng trăm anh chị em phấn đấu tốt đưa đi học văn hoá, học đại học, trung học

chuyên nghiệp. Nhiều người học xong đã trở lại công tác trong đơn vị.

Mặt khác chúng tôi tăng cường cơ giới hoá, chỉ 5 năm gần đây, Tổng công ty chúng tôi đã đầu tư gần 100 tỷ đồng mua sắm hàng trăm thiết bị thi công hiện đại của các nước công nghiệp phát triển chế tạo, vừa nâng cao năng suất lao động chung của đơn vị, vừa giảm dần lao động phổ thông cực nhọc cho công nhân.

Những năm chuyển đổi cơ chế mới, chúng tôi cố gắng tạo đủ việc làm, đảm bảo thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên. Đến nay, sau 5 năm chuyển từ nước bạn Lào về, chúng tôi đã thanh toán được tình trạng thiếu nhà ở, thiếu cả việc làm cho anh chị em trong đơn vị.

Từ đầu năm đến nay, toàn Tổng công ty chúng tôi đang ra sức thi đua lập công trên 2 công trình thắng thầu quốc tế ở Lào (quốc lộ 13 phía Bắc) và ở trong nước (quốc lộ 5A) cũng như đường 203 từ thị xã Cao Bằng đi Pắc Bó - nơi Bác sau 30 năm bôn ba bốn biển, năm châu tìm đường cứu nước, đã về lập đại bản doanh, lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đứng lên, tiến tới cao trào Cách mạng tháng Tám, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để thiết thực kỷ niệm lần thứ 105 ngày sinh Bác Hồ vĩ đại.

5-1995
Vân Thông

NHƯ LẦN ĐẦU ĐƯỢC HÁT



Mùa thu Việt Bắc 1949, đơn vị thanh niên xung phong đầu tiên được thành lập theo sáng kiến và Chỉ thị của Bác Hồ. Lễ xuất quân diễn ra dưới chân núi Hồng, cách cơ quan Trung ương Đoàn không xa. Sau khi nghe anh Nguyễn Lam, Bí thư Trung ương Đoàn căn dặn, hơn trăm con người lập tức lên đường thẳng tiến đến biên giới, nơi quân ta đang chuẩn bị một chiến dịch lớn. Thực hiện chủ trương “vừa đi đường vừa tuyển quân” đã được báo trước cho các địa phương, nên khi tập kết tại căn cứ Lam Sơn (Cao Bằng) thì toàn đội gồm đủ 225 cán bộ, đội viên.

Đêm 16-9-1950, quân ta nổ súng đánh vào cứ điểm Đông Khê và cũng từ giờ phút đó, các đơn vị TNXP lao vào làm nhiệm vụ tải đạn, tải thương, thu chiến lợi phẩm, giải tù binh... nhưng quan trọng hơn cả là bảo đảm giao thông trên những trọng điểm đánh phá của giặc. Chiến dịch Biên giới toàn thắng làm nức lòng quân dân cả nước, nhưng nhiệm vụ của TNXP thì càng thêm nặng nề. Theo dõi từng bước tiến của TNXP, Bác Hồ chỉ rõ:

“Kháng chiến càng tiến tới, công việc ngày càng nhiều, chúng ta cần củng cố và phát triển đội TNXP để bảo đảm thêm công việc kháng chiến và đào tạo cán bộ”. Ngay từ đầu, Bác luôn coi TNXP là một trong những trường học thực tiễn để đào tạo cán bộ.

Đầu tháng 3-1951, đáp ứng yêu cầu bảo đảm giao thông cho chiến dịch mới, Liên phân đội TNXP 312 được điều động đến sửa chữa cầu Nà Cù (Bắc Cạn). Một hôm, anh chị em đang hăm hở lao động thì được tin đồng chí Trần Đăng Ninh, Tổng Cục trưởng Hậu cần, sẽ đến thăm đơn vị. Đồng chí Việt Thi, cán bộ phụ trách công tác tuyên truyền và văn hoá, được giao nhiệm vụ tổ chức một đêm lửa trại để đón khách. Anh kể lại rằng trời vừa tối một lúc thì thấy có ánh đèn pin loang loáng tới gần. Anh chị em đồng loạt vỗ tay hoan hô đều hết sức bất ngờ trước niềm hạnh phúc lớn: Bác Hồ! Hàng ngũ trở nên xáo động, xôn xao song do ý thức giữ bí mật đã ăn sâu vào tâm trí từng người, nên anh chị em chỉ truyền đi những tiếng reo se se: Bác, Bác Hồ! Bác mặc quần áo màu gụ, chiếc khăn quàng cổ khéo léo che kín chòm râu. Bác giờ tay ra hiệu:

- Các cháu ngồi cả xuống.

Thế là tất cả làm theo Bác và lặng im chờ đợi.

Nhìn khắp một lượt, Bác hỏi:

- Các cháu ăn có đủ no không?
- Thưa Bác, có ạ!
- Các cháu có đủ muối không?
- Thưa Bác, có ạ!

Bác lại hỏi đến chăn màn, quần áo, thuốc men... Câu hỏi nào của Bác cũng được anh chị em trả lời “Thưa Bác, có ạ, đủ ạ!”. Bác cười, qua nụ cười hiền từ, trù mẩn, anh chị em đều thấy Bác biết mọi người không nói thật. Trước khi đến thăm đơn vị, đồng chí Trần Đăng Ninh đã báo cáo với Bác mọi khó khăn, thiếu thốn cũng như tình hình đau ốm, nhất là bệnh sốt rét của TNXP thời ấy rồi.

Trong ánh lửa trại bập bùng, Bác báo tin vui về thắng lợi Đại hội Đảng lần thứ II. Bác giải thích vì sao Đảng ta nay lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam và những nhiệm vụ lớn của toàn Đảng, toàn dân sắp tới. Niềm vui hiện rõ trên nét mặt mọi người. Bỗng Bác đặt câu hỏi:

- Đào núi có khó không các cháu?

Trong anh chị em có người trả lời “Thưa Bác, khó ạ”, người lại trả lời “Thưa Bác, không khó ạ”. Nghe xong Bác hỏi tiếp:

- Có ai dám đào núi không? - Và Bác chỉ định một nữ đội viên đang ngồi ngay hàng đầu trả lời. Đồng chí nữ đứng lên mạnh dạn thưa:

- Thưa Bác, có ạ. TNXP chúng cháu hằng ngày vẫn đào núi để làm đường đấy ạ.

Bác mỉm cười gật đầu, rồi hỏi tiếp:

- Thế có ai dám lấp biển không?

Câu hỏi này khó quá, vì trong anh chị em nhiều người chưa được thấy biển. Khi mọi người đang lúng túng, Bác liền gỡ bí cho:

- Có người dám đào núi thì cũng có người dám lấp biển đấy các cháu ạ. Thí dụ ở nước ta có cảng Hải Phòng, trên thế giới có nhiều cảng đều do con người lấp biển xây nên. Nói không khó là chưa đúng, nhưng dù khó con người vẫn làm được, chỉ cần cái gì nào?

Lúc này, ai cũng thấy mạnh dạn lên, đã thi nhau đưa tay xin trả lời làm Bác rất vui.

Bác động viên:

- Các cháu trả lời đều đúng cả. Tục ngữ ta có câu: *“Có công mài sắt, có ngày nên kim”*, tức là muốn vượt qua khó khăn thì phải quyết tâm, quyết chí.

Lửa ngày càng rực đỏ, dáng Bác cao lồng lộng giữa rừng cây. Trước lúc tạm biệt các cháu, giọng Bác trầm ấm:

- Bây giờ để các cháu luôn nhớ buổi gặp mặt hôm nay, Bác tặng các cháu mấy câu thơ:

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.*

Đọc xong từng câu, Bác đề nghị tất cả cùng nhắc lại. Cuối cùng, Bác bảo đồng chí Việt Thi đọc lại cả bốn câu. Anh Việt Thi đọc một mạch rõ ràng, trôi chảy. Bác tỏ ý rất bằng lòng và bảo anh “cầm càng” cho toàn đơn vị hát một bài. Đồng chí Việt Thi xin phép Bác cho anh chị em hát bài *Hồ Chí Minh muôn năm*. Bác lắc đầu bảo hát bài khác. Thế là tất cả cùng đồng ca bài *Nhạc tuổi xanh*. Hát xong không thấy Bác đâu nữa, ai nấy đều ngẩn ngơ hồi lâu.

Văn Tùng

Báo Nhân dân cuối tuần số 12 (643), 25-3-2001

ĐƯỜNG ĐẾN TỬ TRÂM SƠN



Núi Trâm - Tử Trâm Sơn - thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây: Ngọn núi có chùa Trâm là một thắng cảnh không chỉ của riêng Hà Tây, của đồng bằng Bắc Bộ mà còn là một cảnh đẹp, một vùng đất thiêng của cả nước.

Tư liệu để lại về thắng cảnh này, mỗi lần “mở sách” là mỗi lần chúng ta thêm tự hào, thêm say đắm: Rằng, theo truyền thuyết, Tử Trâm Sơn gồm 5 đỉnh lớn giống năm con phượng hoàng cùng nhô đầu lên. Dựa vào “sự tích” này, nên Tử Trâm Sơn còn được gọi là Ngũ Nhạc Sơn.

Thời Hậu Lê, đời vua Lê Chiêu Tông (1516-1522), với niên hiệu Quang Thiệu, đã cho xây dựng cung điện rồi sai chúng dân khai sông mở suối quanh ngọn núi thắng cảnh này để nhà vua ngự thuyền rồng từ kinh đô Thăng Long về đây ngắm cảnh. Nơi đây, có động Long Tiên, có những “cửa mở” lên trời, nên tiếp nhận được ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, làm cho động nhuộm màu huyền ảo.

Đời vua Lê Hy Tông (1675-1705) và chúa Trịnh Căn đã cho dựng 48 pho tượng đá để thờ ở trong hang. Tử Trâm Sơn là một quần thể có núi, có chùa, có bia,

có tượng. Xin kể: Chùa Trầm, chùa Vô Vi, chùa Ba Làng, chùa Quan Âm, chùa Cao. Núi thì có núi Bút, núi Cung, núi Thiên Thu Vọng Nguyệt. Và: Tam bảo, Tam quan, điện thờ, nhà Tổ, bia đá, tượng Phật...

Kháng chiến toàn quốc bắt đầu từ đêm 19-12-1946, Hà Nội vùng đứng lên, nổ phát súng đầu tiên “khai cuộc”, Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã rời Thủ đô Hà Nội về Hà Tây. Tết Đinh Hợi, năm 1947, Bác Hồ đến chùa Trầm. Trước cảnh đẹp mà tạo hoá đã ban tặng cho Hà Tây, Bác xúc động và Người phóng bút để lại đôi câu đối cực hay:

Cao Sơn hữu ý thiên nhiên bút

Lưu thủy vô thanh vạn cổ cầm

(Núi cao nghìn năm không bút nào tả hết

Nước chảy trong hang hay như tiếng đàn buông)

Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam đã sơ tán về chùa Trầm. Ngày 20-12-1946, Đài Phát thanh này đã truyền đi cả nước lời kêu gọi “*Toàn quốc kháng chiến*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lại nhớ đến cái đêm mùa đông lạnh rét, mưa lun phun năm ấy, lúc 22 giờ 30 phút, Bác từ phủ Quốc Oai đến chùa Trầm. Để rồi, khi tiếng trống, tiếng chiêng điểm giao thừa, Bác đọc bài thơ chúc Tết đồng bào, chiến sĩ cả nước, làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi:

Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió

Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông

Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến

*Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi
Thống nhất độc lập nhất định thành công.*

Sư cụ chùa Trầm xin Bác đôi câu đối để treo trước cửa chùa nhân dịp năm mới. Tờ giấy hồng điều được trải trên bàn, Bác cầm cây bút lông viết tám chữ cho hai vế câu đối:

*Kháng chiến tất thắng!
Kiến quốc tất thành!*

Đường vào chùa Trầm những năm tháng ấy vừa nhỏ hẹp, vừa gập ghềnh. Nhưng Bác lại về thăm cảnh đẹp này vào buổi sáng chủ nhật 3-7-1966. Bác thăm động Long Tiên, thăm mấy cảnh đẹp, thăm một đơn vị thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân đóng tại đây. Bác nói với đơn vị:

- Các chú biết giữ bí mật là tốt. Nhưng phải biết dựa vào dân, đoàn kết với nhân dân thì mới bảo đảm được sự yên bình cho đơn vị, cho cả vùng. Các chú ngăn con đường quanh núi thì phải mở một con đường khác cho nhân dân đi lại chứ!

Vâng lời Bác dạy, đơn vị kết hợp với nhân dân đã đắp con đường mới. Lực lượng bộ đội và thanh niên nông thôn, trong đó có cả những “Thanh niên xung phong” các xóm quanh núi - những lớp người tuổi trẻ tình nguyện ghé vai gánh vác công việc

chung. Mở đường mới vào chùa Trầm là một công trình mang ý nghĩa đặc biệt. Tức là, vừa thực hiện lời Bác chỉ bảo; vừa tạo điều kiện cho du khách các nơi đến tham quan cảnh đẹp; vừa tăng thêm tiếng thơm cho Hà Tây; vừa khuyến khích việc làm du lịch - một nhu cầu rất cần cho “cuộc sống đời thường”.

Sức mạnh và lòng nhiệt tình của bộ đội, của thanh niên tình nguyện, của bà con dân làng đã “khai sinh” ra một con đường đẹp - đường Quyết Thắng - một cái tên mang ý nghĩa sâu sắc. *“Con đường Quyết Thắng là đây; Ta về thăm cảnh Hà Tây - chùa Trầm; Khói hương đâu chỉ hôm rằm; Nơi đây thán thán, năm năm sáng đèn”*.

Mấy năm sau, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đi trên đường Quyết Thắng để đến chùa Trầm vừa thăm thắng cảnh vừa chỉ đạo phong trào. Người ta thấy Tổng Bí thư Lê Duẩn, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã lần lượt đến thăm.

Bây giờ, trong khuôn viên của thắng cảnh này vẫn còn giữ được những cây cổ thụ, gốc bám rễ vào lòng đất sâu, vươn tán xanh lên nền trời cao lồng lộng. Những cây xanh vạm vỡ đã và đang gọi chim về. Một vùng quê thanh bình và êm ả, một di tích cổ kính và trang nghiêm.

Trước cửa chùa, con đường Quyết Thắng lực lưỡng như thân dê cao, tấm mưa, tấm nắng, gọi gió, gọi sương vẫn nằm đó. Con đường mang sức mạnh của nhân dân, của tuổi trẻ một thời.

ĐƯỢC GẶP BÁC BỐN LẦN



Cuối tháng 10 năm 1954, anh Trần Thanh được nhận nhiệm vụ là cán bộ kỹ thuật Đội cầu 6 do anh Trịnh Ấn, nguyên là cán bộ công binh xưởng làm đội trưởng với hơn 10 anh em công nhân người miền Nam và một đại đội thanh niên xung phong toàn nữ, quê tỉnh Bắc Giang. Một đội cầu được gánh vác những công việc nặng nề trên tuyến đường sắt phía Bắc - địa bàn rừng núi - mà có cả một đại đội thanh niên xung phong toàn “phái đẹp”, phải nói đây là một đơn vị đầy sức trẻ, nhưng phải học tập về kỹ thuật sao cho thuần thục, dầu là công việc thuộc loại thô sơ chiếm phần nhiều.

Đội cầu 6 sau khi được thành lập đã lập tức tiến quân vào “trận địa cầu đường”. Có 5 chiếc cầu đường sắt bị sập, đội đã tổ chức trực vớt thành công. “Cầu” mỗi chiếc cầu lên là một bài học kinh nghiệm, cái “vớt” sau thuận lợi hơn cái “trực” trước. Vừa làm vừa học, học trong thực tế, bài học thấm đẫm mồ hôi lao động trên các công trình nắng mưa, gió bão bất thường. Rồi Đội cầu 6 được

Nhà nước tặng thưởng huân chương Lao động hạng ba. Tin vui lớn này làm nức lòng các cháu trai đường sắt, các cô gái thanh niên xung phong, nên công việc ngày càng “chạy đều” và guồng máy lao động được vận hành trơn tru.

Tuyến đường sắt mà Tổng đội cầu trong đó có Đội 6 nằm ở một địa điểm quan trọng. Đây là tuyến đường liên vận Hà Nội - Bắc Kim - Moskva. Sự quan tâm của Nhà nước và Bác Hồ đến tuyến đường này đã động viên anh, chị em “vào trận” thêm hăng hái, thêm quyết tâm.

Bác Hồ đã dành thời gian thăm công trường, thăm công nhân đường sắt và đội thanh niên xung phong đang làm cầu Phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang. Bác đến là sự động viên rất lớn cho tất cả anh, chị em đang có mặt nơi cây cầu rộng điểm. Công trường đã phát động một cuộc thi đua, quyết tâm xây dựng những cây cầu vững chắc, có dáng đẹp và đắp những nền đường vạm vỡ, bảo đảm cho những thanh ray đặt trên những tấm tà-vẹt được bền chắc. Nhiều lá cờ được cắm trên tuyến đường. Ngôi sao vàng trên nền đỏ bừng sáng dưới ánh mặt trời vùng Đông - Bắc và vùng Trung du. Đây là đợt thi đua lập thành tích chào mừng ngày Chính phủ, Bác Hồ về Thủ đô Hà Nội - 1-1-1955.

Đội 6 là “cánh quân cơ động”. Các cô thanh niên xung phong đã quen với việc đeo ba lô, cầm túi xách lên đường. Hễ có lệnh là đi - những cuộc đi

đầy sự hăm hở, phấn chấn. Rồi Đội 6 hoà nhập với Đội cầu 3 do hai vị chỉ huy có thâm niên làm cầu đường ngành đường sắt là Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Đình Doãn cầm cờ. Đoàn quân này có nhiệm vụ “sửa sang, bồi đắp” tuyến đường sắt từ Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đến phía trong cầu Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá. Tuyến này, có cây cầu Non Nước, tỉnh Ninh Bình là vào loại... đồ sộ và khó khăn không kém cầu Hàm Rồng.

Đội trưởng Trần Thanh kể về sự trưởng thành của mình: “Tôi mới đi công trường được hai năm, chuyển qua ba đơn vị, ở đơn vị nào tôi cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Bản thân tôi luôn cố gắng, lại được Đoàn Thanh niên Đội cầu 3 giúp đỡ, tôi được bầu đi dự Đại hội Liên hoan Thanh niên tích cực toàn ngành Đường sắt lần thứ nhất ngày 20-7-1956 tại khuôn viên trường Đại học Nhân dân - nay là Cung văn hoá Hữu Nghị Hà Nội.

Đại hội được Bác Hồ đến thăm. Cả Đại hội đón Bác trong tiếng vỗ tay từng bừng, từng tràng rất sôi nổi. Chúng tôi nhìn rõ Bác, nước da Người hồng hào, râu tóc đều bạc, dáng đi rất nhanh nhẹn. Bác giơ tay ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống.

Bác nói: “Thanh niên phải đầu tàu gương mẫu như đầu máy xe lửa có khoẻ mới kéo được các toa. Các cháu phải khiêm tốn học hỏi lẫn nhau, không được tự cao, tự đại. Mỗi cháu phải tự mình cố gắng,

vượt lên chính mình để làm tròn nhiệm vụ được giao”. Được gặp Bác Hồ là hạnh phúc lớn nhất của đời tôi. Sau Đại hội, trở về đơn vị, tôi càng ra sức học tập, gánh vác công việc không biết mỏi mệt”.

Do cố gắng, anh Trần Thanh đã góp phần đưa đơn vị tiến lên, lập được những thành tích xuất sắc. Anh lại được cử đi dự Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ hai họp tại Nhà hát lớn Hà Nội. Lần Đại hội này, Đoàn đổi tên từ “Đoàn Thanh niên Cứu quốc Việt Nam” thành “Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam”. Đại hội thông qua Cương lĩnh mới, Điều lệ mới cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị lúc bấy giờ.

Đại hội được vinh dự đón nhiều Đoàn Thanh niên các nước đến dự. Anh, chị em gặp anh Hăng-ri Mác-tanh và chị Ray-mông Diêng thuộc đoàn Pháp. Đúng là tuổi trẻ, gặp nhau là chuyện trò vui vẻ, không muốn dứt: Thành phần dự Đại hội có một số nam, nữ thuộc các Đội Thanh niên xung phong - những người tiêu biểu được đơn vị bình chọn công khai.

Bác Hồ đến thăm Đại hội. Lại thêm một lần, anh Trần Thanh được gặp Bác. Cả Đại hội vui mừng được nghe Bác nói chuyện, Bác khuyên nhủ, dặn dò là mỗi người phải tự rèn luyện mình sao cho có sức khỏe, có học vấn, có tri thức, say mê

nguyên cứu, hăng hái lao động, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau để làm tròn phần việc của mỗi người.

Rồi Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm và chung vui với anh, chị em. Một số anh nổi vòng tay làm kiệu, công kênh Thủ tướng, “rước” mấy vòng quanh tiền sảnh trước của hội trường. Cuộc “rước” Thủ tướng vừa vang tiếng hát, vừa đầy tiếng cười. Tiếp đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đến với Đại hội.

Anh Trần Thanh lại có vinh dự gặp Bác lần thứ tư, ấy là vào dịp Tết năm Mậu Tuất. Lần này, vào khoảng 9 giờ sáng ngày mồng một Tết - 18-2-1958 - Bác đến thăm cán bộ và đại biểu đồng bào miền Nam ở Câu lạc bộ Thống Nhất, bên Hồ Gươm. Đây là một mùa xuân những người con của miền Nam được gặp Bác Hồ, niềm vui đến không cầm được nước mắt.

Cuộc đời người cán bộ thợ cầu đường sắt như anh Trần Thanh có biết bao nhiêu kỷ niệm đáng nhớ. Chỉ riêng đại đội nữ thanh niên xung phong tỉnh Bắc Giang đã là niềm tự hào về sức mạnh của tuổi trẻ, về những thành tích mà chị em lập được, đã để lại cho anh những dấu ấn sâu sắc.

KỂ CHUYỆN TRÊN ĐƯỜNG 20



Khi tìm hiểu về Đường mòn Hồ Chí Minh - một “trận đồ bát quái” - ai đã đọc những bài hồi ký của các vị tướng lĩnh, cán bộ từng có mặt từ những ngày đầu mở Đường Trường Sơn, càng hiểu rõ hơn những năm tháng gian lao và hào hùng của lực lượng mở tuyến đường này và những “chi nhánh” của con đường huyền thoại ấy.

Thiếu tướng Võ Bẩm đã để lại những trang hồi ký cho đến nay vẫn còn cảm nhận được hơi nóng của một thời bom đạn, khói lửa nơi tuyến đường chiến lược này. Ông viết:

“Cuối năm 1964 đến năm 1965, chiến tranh bước sang một thời kỳ quyết liệt và khốc liệt hơn. Đế quốc Mỹ đã ồ ạt đưa viện trợ vũ khí kỹ thuật và cố vãn vào miền Nam, nhưng chúng vẫn không cứu... chiến tranh đặc biệt khỏi bị phá sản. Liều lĩnh lún sâu vào vũng bùn thất bại, chúng đã đem quân chiến đấu vào miền Nam làm cho tính chất cuộc chiến tranh từ “đặc biệt” chuyển sang chiến tranh có tính chất “cục bộ” - chúng mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc và đánh phá

đường Hồ Chí Minh để gây áp lực, hòng làm giảm sức tiến công của ta ở miền Nam và hạn chế sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam.

Tình hình trên đã tác động lớn vào Đoàn 559 và Đường Hồ Chí Minh. Theo chỉ thị của Quân uỷ Trung ương, Đoàn 559 vừa có nhiệm vụ củng cố đơn vị vừa mở thêm đường. Anh Phan Trọng Tuệ phụ trách chỉ đạo chung toàn đoàn và trực tiếp chỉ đạo làm con đường 128 từ Lăng Khăng nối với Đường 9. Đường 128 làm trong hai tháng đã hoàn thành.

Trong lúc làm đường 128, anh Tuệ với cương vị là Bộ trưởng Bộ Giao thông đã giao Viện thiết kế chuẩn bị mở đường số 20. Dự định điểm mở đầu lựa chọn trong khoảng từ động Phong Nha (tây Quảng Bình), dịch về phía Bắc và chạy tới Lùm Bùm (Sa-va-na-khét, Lào).

Anh Tuệ bảo tôi:

- Làm con đường này phải huy động lớn về nhân công và kỹ thuật, riêng đoàn 559 không thể làm nổi, tôi sẽ đề nghị Chính phủ mở một hội nghị liên tịch. Anh chuẩn bị kỹ phương án để có thể trình bày trong cuộc họp tới.

Cuộc họp này, có Tổng Bí thư Lê Duẩn đến dự. Anh Tuệ báo cáo nội dung, trình bày phương án cụ thể. Tôi nói: Thưa đồng chí, bây giờ mới bàn đến việc mở đường cơ giới này là muộn...

Đồng chí Lê Duẩn nói:

- Đúng! Muộn ba năm rồi! Các đồng chí trình bày là có thể làm trong bốn tháng là xong. Vậy, bốn tháng có thể xong không?

- Dạ, nếu Chính phủ tăng cường người và cung cấp đủ những yêu cầu chúng tôi nêu dưới đây thì tôi tin tưởng có thể xong.

Đồng chí Lê Duẩn nói luôn:

- Tôi đồng ý với phương án đó: Về huy động người, Ban Bí thư sẽ chỉ đạo Đoàn Thanh niên vận động tổ chức thanh niên xung phong, còn việc huy động vật chất kỹ thuật thì ta bàn thêm xem phân công giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Giao thông...

Thiếu tướng Võ Bẩm viết tiếp: “Tôi hỏi các anh cán bộ đi khảo sát, các anh ấy nói: “Phải chịu tổn bọc phá, sơ sơ cũng phải ngốn vào đó mất năm, sáu tấn bọc phá, đi đôi với bọc phá là xe ủi gạt loại nặng. Được thế, thì làm gì mà không vượt qua được dốc Ba Thang. Theo kế hoạch thì công sẽ được chia ra làm hai công trường, làm từ hai đầu dồn lại. Một công trường ở phía Đông Trường Sơn khoảng một vạn người. Một công trường ở phía Tây Trường Sơn ít người hơn. Ngoài lực lượng bộ đội, còn có các đại đội Thanh niên xung phong”.

Con đường được khởi công đầu tháng 1 năm 1965. Các đại đội thanh niên xung phong của tỉnh Nam Định, Hà Nam - lúc ấy gọi là “Thanh niên

xung phong Nam Hà” - đã có mặt, sẵn sàng vào trận. Lực lượng này đông tới mấy nghìn người, toàn những cô gái, chàng trai vùng đồng chiêm trũng, khoẻ, chịu lao động và ... có gan để vượt qua những thử thách ác liệt nhất.

Những trang hồi ký của các cán bộ, chiến sĩ mở đường 20 - Đường Quyết Thắng - sẽ cung cấp thêm những mảng màu phong cảnh, cuộc sống, sinh hoạt của bộ đội và thanh niên xung phong vào trận năm 1965 ấy. Bạn có thể hình dung cái địa bàn mà con đường sẽ mở ra và sẽ để lại những kỷ niệm sâu sắc cho lớp trẻ thời đại mới.

“- Đường 20, một con đường trong hàng chục con đường chằng chịt của tuyến vận tải Trường Sơn đối với chúng tôi, nó thường gợi lên những hình ảnh gần gũi, thân thương, nhưng cũng phần nào mang màu sắc thần kỳ. Con đường xuyên Trường Sơn, vắt chéo từ phía Đông sang phía Tây, chạy giữa một vùng núi đá và rừng đại ngàn hiểm trở, có thể nói không ngoa là hiểm trở vào loại bậc nhất trên thế giới, được mở ra khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước sang thời kỳ quyết liệt nhất.

Đêm đêm từ vùng biển Quảng Bình nhìn lên, vẫn thấy từng dãy đèn dù chằng dài, loạt nọ gối loạt kia, cháy từ lúc mặt trời lặn cho đến lúc mặt trời mọc, y hệt như có một thành phố vừa dựng lên ở đó. Cũng từ con đường ấy, thỉnh thoảng vọng về

những chuỗi tiếng nổ kéo dài, nghe âm âm như tiếng trống rung trong lòng đất - các loại bom rải thảm của máy bay B52”.

Đường 20 khi làm xong, dài 82 cây số. Nhưng nó mang trên mình 904 khúc cua ngoặt, khó mà tìm thấy một đoạn thẳng dài chừng 200, 300 mét. Rừng núi ở đây còn hiểm trở gấp nhiều lần miền sơn cước Tây Bắc, nơi biên cương phía Bắc. Những người khảo sát in dấu chân qua rừng rậm ngút ngàn. Để đánh dấu, họ chém bập vào các thân cây. Những cây sến, cây chò, cây săng lẻ nổi nhay ken dày. Các khóm mây song bò ngoằn ngoèo, len lỏi vào giữa các hàng cây vừa chằng chịt, vừa dày đặc.

Nhớ ngày khởi công mở tuyến đường vào đầu tháng 2 năm 1965, một cán bộ “tả” quang cảnh buổi sáng đáng nhớ ấy: “- Hôm ấy trời nắng, mặt trời lên sớm, mới 8 giờ, sương đã tan hết, nắng vàng rực. Bầu trời xanh biếc, loáng thoáng vài lọn mây trắng muốt. Toàn đội tập hợp dưới chân dốc Đồng Tiên. Sau buổi lễ ngắn gọn, từng đại đội tản ra ngồi chờ bên bờ suối. Được ngày nắng, chim chóc hót vang rừng, nét mặt con người trông như tươi mới hẳn ra. Các cô gái nhón nhơ đi hái hoa, bắt bướm, nhặt các hòn cuội trắng trong lòng suối, một số người hát...”.

Thời mở đường ấy, bộ đội cũng như thanh niên xung phong ăn uống rất kham khổ. Có cán bộ nhớ lại những ngày không thể nào quên. “Ăn bữa cơm

dầu tiên đã biết là gian khổ. Gạo để lâu trong hang đá vừa mốc vừa ẩm, hạt cơm nhạt thếch, bốc mùi hôi găn gát. Thức ăn chỉ độc một món: Mắm ruốc Quảng Bình. Giá có hành mỡ chưng lên thì còn khá, đằng này chỉ là ăn sống. Các cô gái thanh niên xung phong Nam Hà vừa ngửi mùi cơm đã nôn thốc nôn tháo...

Tháng 9, mùa mưa bắt đầu, các con suối cạn biến thành thác dữ, gạo không chuyển về được. Thoạt đầu, rút bớt cơm, sau hạ xuống bữa cơm bữa cháo, rồi hai bữa cháo. Hết mùa mưa là tiếp ngay mùa khô. Khe suối lại cạn, nên thiếu nước ăn, nước tắm giặt. Phải cử người đi xa 5, 6 cây số để gánh nước. Có lúc, phải chém vào cây chuối rừng để lấy nước mà uống.

Rồi bệnh sốt rét hoành hành, hầu như không một ai tránh khỏi. Và thiếu thốn đủ mọi thứ: Thiếu thức ăn, thiếu quần áo, thiếu giày, thiếu găng tay bảo hộ lao động, thiếu xà phòng, thiếu thuốc đánh răng, thiếu bồ kết gội đầu, vải xô vệ sinh cho các cô gái. Có lần được cấp 5 cân xà phòng bột, chỉ huy phải ra lệnh: “Chỉ dành cho phụ nữ, anh đàn ông nào mà đụng đến thì phải chịu kỷ luật”.

Sau đó, nhờ chỉ đạo sâu sắc của cấp trên nhất là có ý kiến cụ thể của Tướng Đồng Sĩ Nguyên, đời sống của bộ đội và đặc biệt là các đại đội thanh niên xung phong - phần lớn là nữ - đã được cải thiện. Anh chị em đi kiếm rau rừng. Danh mục rau

đã có nhiều thứ: Chua me đất, rau má, môn thực, lá mua chua, rau tàu bay, rồi rau giống - loại rau ăn ngon như giá đậu, lá lười bò rất ngọt, nấu canh không cần mì chính, đến “anh” măng nứa, măng giang. Các cô gái Kim Bảng, Hà Nam, đã tìm ra loại rau sắng - loại rau có ở chùa Hương, Hà Tây.

Một lần, có đồng chí cán bộ ở Trung ương Đoàn Thanh niên vào công tác. Anh nhìn thấy ống đèn dù để la liệt khắp nơi, anh nói: “Của này mà đem ra ngoài ấy thì giá trị phải biết”. Chúng tôi đem ống đèn dù ra Nghệ An “đổi hàng”. Và đổi được đàn gà hơn chục con và một con lợn giống khoảng chục cân. Đèn dù thả càng nhiều thì ống đèn dù thu được càng lắm. Có điều vui này, có đại đội thanh niên xung phong thường xuyên nuôi được vài chục con lợn và hàng trăm con gà mái đẻ.

Bữa ăn được dần dần cải thiện. Cô Đào, chị Mến có sáng kiến giã bột quấy hồ, làm ra món ăn ngon. Có người nói: “Ta thử làm bánh xèo xem sao!”. Thế là bánh xèo ra đời. Rồi, đem ống pháo sáng ra Nghệ An đổi được bốn chiếc cối xay bột, nên đã chế biến được nhiều món: bánh xèo, bánh cuốn, bánh đúc, bánh dợm, bánh đa... Và rồi, những sợi bún “ra mắt” các đại đội.

Bún xuất hiện là một tin mừng lớn. Loại “hàng” này ăn mát dạ, lại dễ chế biến. Cá, cua ở suối, các thứ rau ghém ở rừng, lại có ớt cay. Một bát bún bốc hơi, kèm theo những gia vị “nguyên

chất hoang sơ” được anh, chị em rất ưa chuộng, rất mê. Đã có bài thơ ca ngợi bún:

*Bún mồng năm mẹ nấu
Chan với nước cua đồng
Hôm nay ở chiến trường
Ăn bún chan canh thịt
Lòng em càng da diết
Nhớ mẹ và nhớ quê...*

Các vị chỉ huy các đơn vị thanh niên xung phong nhớ mãi lần Tướng Đồng Sĩ Nguyên đến thăm. Mấy tháng trước, anh chị em ở trong các “lều” tồi tàn quá, ăn uống kém, lại không có “trò vui”. Tướng Đồng Sĩ Nguyên nói rất chân tình:

- Bác Hồ rất quan tâm đến đường Trường Sơn. Với tuổi trẻ, với các đội thanh niên xung phong, Bác có sự quan tâm đặc biệt. Kháng chiến chống Pháp, Người đã đến thăm một số đơn vị thanh niên xung phong và có đơn vị được Bác tặng thơ.

Anh chị em ở đây xem ra “già” quá. Bác, như anh, chị em biết, Người rất vui tính. Và Bác yêu cầu các đơn vị khi Bác đến thăm phải sống cho đẹp: Ngăn nắp, trật tự, sinh hoạt cho vui vẻ. Nhìn vào sự sinh hoạt ở đây, nếu báo cáo với Bác chắc Người không vui lòng. Tại sao ở đây không tổ chức các đội văn nghệ, không ca hát? Chỉ huy phải lo việc này. Chớ có nhìn thanh niên bằng cặp mắt xét nét, hẹp hòi. Tuổi trẻ là phải luôn vui tươi và năng động...

Lời khuyên bảo chân tình của vị tướng thường xuyên có mặt ở tuyến lửa Trường Sơn đã làm cho cuộc sống của các đơn vị “chuyển mình” theo chiều hướng tốt. Vật liệu dựng nhà, thời ấy, rừng cung cấp có thể nói là vô tận. Vậy là những dãy nhà cao ráo, sạch sẽ được dựng lên. Bàn tay con trai đã mở những ô cửa sổ đủ các kiểu tùy theo sở thích của từng đại đội. Rồi đến lượt các cô gái trở tài. Các cô thợ thêu Nam Định, thợ may Phủ Lý làm đẹp thêm căn nhà bằng sự trang trí mang nét hoa văn, có cả sân khấu, phong màn, cánh gà và ghế ngồi.

Phong trào ca hát được rước lên. Tiếng đàn, tiếng kèn, tiếng sáo đã hoà âm, rộn rã một góc rừng hoang sơ. Rất nhiều người mê tiếng hát châu văn của cô gái Thành Nam và giọng chèo có... hạng của mấy cô gái sông Chân, núi Đọ. Cuộc đời vui lên, nên việc làm đường năng suất càng cao, tình đoàn kết, vượt qua những tháng năm gian khổ càng mạnh. Cuộc sống dọc đường 20 - Đường Quyết Thắng - đã có nhiều tiếng khen.

Sau đây là một đoạn “Nhật ký” ghi ngày 26 tháng 10: “Một đêm, theo lời Hải, xe đã vào hết các tổ xung kích được lệnh rút khỏi mặt đường. Đang trở về, họ nghe thấy ba tiếng súng - tín hiệu cấp cứu. Hồng và Tiến, hai người đi sau cùng, tự động quay lại. Họ trông thấy một chiếc xe bị máy bay AC130 bắn cháy giữa đường, cả hai người lái đều bị thương. Mẫn, người bị thương nhẹ đã công

Nhàn, người bị thương nặng ra khỏi xe. Trời mưa vừa dứt, Hồng ngồi lên một mảnh gỗ, bế người bị thương trong vòng tay.

Nhàn hỏi Hồng:

- Đây là đâu, đồng chí?
- Đây là 12.68!
- Đồng chí là ai?
- Tôi là Hồng, y tá ở đại đội 6 thanh niên xung phong.
- Cảm ơn đồng chí!

Rồi Hồng chợt hỏi:

- Anh quê ở đâu nhỉ?
- Ở Hà Nội!
- Phố nào hở anh?
- Phố Hàng Chiếu!
- Thế thì gần chợ Đồng Xuân. Hồi ở nhà, thỉnh thoảng em với u em xuống chợ Đồng Xuân bán rau, bán muối.

- Thế thì Hồng ở đâu?

- Em ở Phú Thọ, từ Hà Nội lên thì đi lối bến xe Kim Mã ấy!

- Hôm ra đi, u có khóc không?

- Không! U em chỉ lo thôi. U bảo: “Mày đàn lắm, tao chỉ sợ mày ra đi rồi làm hỏng việc của Chính phủ”.

Cả hai đều bật cười...

Lại có một “ca” khá vui: Lúc ấy, máy bay Mỹ đang lượn trên bầu trời, con đường mòn chỉ lọt bàn chân người đi. Thành linh có ai ngã phía trước. Một chuỗi cười giòn giã, khoẻ khoắn rộ lên.

- A! Hoan hô đồng chí Trâm, mở đầu giòn giã quá!

- Chưa ngã, mới suýt chạm đất thôi - Trâm đáp lại.

- Chắc có ai nhắc? - Một giọng con trai.

- Thì “người ta” ở bên kia đèo, chứ còn ai nữa! Yêu nhau mà lại không nhắc à? - Giọng Trâm vui vẻ.

- Hoan hô, dũng cảm lắm!

- Xứng danh là “Thanh niên xung phong” lắm!

Một thời tuổi trẻ trên đường 20 mới đẹp làm sao! Kỷ niệm sâu sắc của cái thời đánh Mỹ trên tuyến đường nối Đông Trường Sơn với Tây Trường Sơn sống mãi không phải chỉ trong tâm hồn người Trường Sơn mà còn với tất cả những ai đã sống một thời đáng sống.

TRÊN ĐỊA BÀN “TRẬN ĐỒ BÁT QUÁI”



Đường mòn Hồ Chí Minh - Đường Trường Sơn được gọi là “Trận đồ bát quái”. Kể từ ngày mở đường - năm 1959 đến khi hình thành các tuyến đường ngang dọc Trường Sơn, tính ra có lẽ đến trên dưới vài chục năm.

Dãy Trường Sơn uy nghi đứng đó. Dãy núi chiến lược này được xem như biểu tượng khí phách, bản lĩnh, dáng đứng, tầm cao, tâm hồn Việt Nam. Trước tháng 8 năm 1945, Bác mắc bệnh nặng, nằm tại mái lán Tân Trào, Tuyên Quang. Lúc ấy, Bác quá mệt, nhưng khi tỉnh dậy, Bác nói với anh Văn - Đại tướng Võ Nguyên Giáp - một câu nói đã đi vào lịch sử: “Thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải cương quyết dành cho được độc lập”.

Thiếu tướng Võ Bẩm, một trong những vị chỉ huy đầu tiên mở đường Trường Sơn, cái thời “Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng” ấy là người gánh trên vai trách nhiệm quá nặng nề. Rồi sau này, ngoài lực lượng bộ đội, thì một “Bình

đoàn” vừa khoẻ, vừa trẻ, mặc “đoàn phục màu xanh” tiến quân vào Trường Sơn làm nhiệm vụ mở đường, giữ đường, vận chuyển vũ khí, chăm sóc thương binh, bệnh binh, đấy là các Đội Thanh niên xung phong - những chàng trai, cô gái “xung phong” vào giữa “túi bom đạn, lửa khói” Trường Sơn.

Tướng Võ Bẩm nhớ lại cuộc gặp Bác Hồ sau những ngày mở đường gian khổ.

- Chú có khoẻ không? - Bác nói thân mật - Bác muốn nghe chú báo cáo tình hình hoạt động của các đơn vị mở đường. Anh em trong đó sống ra sao, có mạnh khoẻ không? Đồng bào dân tộc trên Trường Sơn, đời sống thế nào?

Tướng Võ Bẩm mở tấm bản đồ trên bàn, báo cáo với Bác: “Bộ đội và các lực lượng khác đều quyết tâm mở đường, giữ đường. Nhưng đời sống của đồng bào thì vô cùng cực khổ, nhất là thiếu muối ăn...”.

- Việc đầu tiên và quan trọng là chú phải nhanh chóng chuyển cho đồng bào Trường Sơn 30 tấn muối, 10 tấn vải để trợ giúp đồng bào. Các chú đã mở được con đường tiến vào phía Nam, bây giờ phải gắng vượt qua gian khổ, ác liệt hơn nữa để bảo đảm cho con đường được thông suốt, vì đó là con đường dẫn chúng ta đến chiến thắng.

Sau lần gặp Bác ấy, tướng Võ Bẩm đã truyền đạt ý kiến của Bác đến cán bộ, chiến sĩ trên địa bàn quan trọng này. Ta biết, sức mạnh của Trường

Sơn là sự dũng cảm của các “binh chủng hợp thành” và các Đội Thanh niên xung phong góp vào đó một nét đẹp đáng ghi nhận: Sự trẻ trung và các hoạt động văn hoá, văn nghệ.

Mở “*Kho tư liệu Trường Sơn*”, bạn có thể gặp được từng chùm ca dao của bộ đội, của “cánh trẻ xung phong” đã sáng tác tại trận. Nói không ngoa, rằng ở đây đã có một kho ca dao, vâng, một kho ca dao đầy ắp viết về các đội thanh niên xung phong - những chàng trai, cô gái được gọi với cái tên “Đoàn dân công hoả tuyến”. Vẻ đẹp của tuổi trẻ được thử thách trên một địa bàn “Bát quái trận đồ” cực kỳ ác liệt, được các cây bút - các nhà thơ, các tay viết ca dao, các nhà báo và chính “người trong cuộc” viết, đã nêu được nhiều khía cạnh khác nhau của một thời Trường Sơn đáng nhớ.

Điểm một số ca dao viết về lớp trẻ đội mũ tai bèo, tay xẻng tay cuốc, tay đuốc tay đèn để ghi nhớ những chiến công, những thành tích mà các đội thanh niên xung quanh đã lập nên trên suốt tuyến đường chiến lược Trường Sơn là một công việc đầy hứng thú.

Khắc bài thơ lên vách núi để nhớ mãi những ngày gian khổ mở đường. Bài thơ như một tấm bia sẽ sống cùng năm tháng, cùng lòng người. Xuân Sơn viết:

*Trông lên đỉnh núi sương mờ
Lên cao ta khắc bài thơ “Mở đường”
Đạn bom gian khổ coi thường
Lòng ta gắn với chiến trường miền Nam*

*Quân đi vượt núi, băng ngàn
Lời thơ giục giã âm vang hào hùng.*

Mở đường là công việc nặng nhọc của bộ đội công binh Trường Sơn. Và cùng với các anh là “những người lính mặc áo xanh”, không quân hiệu, đổ mồ hôi và cả máu của mình để làm nên những cung đường, mở những bến phà, san núi vượt dốc, bắc thang lên đến “cổng trời”.

Mở đường trong gian khổ, giữ đường trong gian lao, đều là những thử thách ác liệt. Những anh lính lái xe vận tải to kèn còi, mỗi khi qua những bến phà, những cung đường chỉ chít hố bom đều nhớ đến “các em” bám trụ để bảo đảm cho xe ra, xe vào an toàn. Cảm động lắm khi đọc bài của Nguyễn Hồng Nguyên:

*Đêm nay gió rét mưa dầm
Em đứng bên gầm, chỉ lối cho xe
Thương em vất vả chẳng nề
Đường xa đêm tối bốn bề mưa giăng
Gầm dài, nước cuốn, xe băng
Ánh đèn anh ngỡ ánh trăng soi đường
Đạn bom giặc Mỹ xem thường
Nhớ em cô gái giữ đường Trường Sơn.*

Cũng vẫn là “nhớ em”, nhưng cái “ca” nặng diễn ra khi xe bị sa bãi lầy. Anh bộ đội xuống xe cùng các cô gái bàn chân đầy bùn, đôi bàn tay thon đã thành lớp da dày khi cầm cuốc cầm xẻng, bám

vào sau xe, đẩy xe lên dốc. Xe qua dốc rồi, anh nhớ mãi cái đêm mưa ấy:

*Đêm qua mưa xối xả rừng
Xe lầy em đến đó cùng đẩy xe
Xe trườn lên dốc bên kia
Trăng vừa hửng sáng, em về lán xa
Chia tay nhớ tới hôm qua
Tiếc rằng chưa có món quà tặng em.*

(Trương Đình Minh)

Có những dòng suối trên địa bàn lửa này vừa to rộng vừa hung dữ. Sức nước chảy như ngựa lồng. Lại có thể có những tảng đá ngầm “phục kích” dưới lòng suối sâu, nếu tay chèo, tay lái không vững là dễ “có chuyện” rủi ro.

Những chàng trai thanh niên xung phong tâm vóc lực lưỡng, toàn dân đồng chiêm trũng, rất giỏi bơi lội là những tay lái thuyền có hạng, vẫn thường có mặt trên những dòng suối “bất trị” này.

Bài ca dao “Đá ngầm” của Hồng Quân viết về đoàn thuyền vượt qua những đoạn suối hiểm nghèo:

*Đá ngầm mặc đá cản đường
Thuyền ta ta cứ đúng luồng ta đi
Suối kia ngoắt ngoéo chữ chi
Tay lái vững thuyền lướt đi nhẹ nhàng
Thuyền đi ngập ánh trăng vàng
Trường Sơn đêm ấy có đoàn thuyền trôi...*

Mùa xuân đã về. Trên sông suối Trường Sơn, thuyền chở lương thực, thuốc men, vũ khí kéo nhau đi từng đoàn khi mặt trời lặn. Đêm xuân, sông và suối biến thành những dòng sông hoa, đầu mỗi con thuyền chỉ có ngọn đèn như ánh sáng của con đom đóm. Chỉ với bốn câu mộc mạc, cây bút Bình Sơn “vẽ” cái cảnh đêm xuân thuyền trôi:

*Xuân về vui Tết trên sông
Em lo luông nước, anh trông bến phà
Sẵn sàng chèo chở xe qua
Chở hàng, chở cả quân ra chiến trường*

Những cô gái gái vác đạn trèo đèo là một hình ảnh đẹp đã đi vào ống kính của mấy nhà nhiếp ảnh. Họ là em chị Tuyền - cô dân quân Hàm Rồng, Thanh Hoá vác đạn thời chống chiến tranh phá hoại bằng máy bay của Mỹ. Anh khiên pháo, em gùi đạn cùng vào trận đánh ngày mai.

*Sáng nay khiên pháo qua đèo
Gặp cô gùi đạn cũng trèo núi cao
Pháo này, đạn ấy vui sao
Hoà chung nhịp bước đi vào tiến công
Ngày mai đồn giặc nổ tung
Nhớ cô gùi đạn đi cùng sáng nay”.*

(Quách Thục)

Đỉnh “Ba Thang” đã dốc đứng, nhưng đỉnh Năm Thang còn... siêu hơn. Năm chiếc thang nối

nhau để các chiến sĩ trèo lên, vượt qua núi cao, dốc dựng. Gần nơi bắc thang, không chỉ có cánh lính công binh mà còn có bàn tay của các cô gái nữa. Những bàn tay đảm đang ấy chốt giữ nơi trọng điểm này là rất đáng tin cậy.

*Trèo lên đỉnh núi Năm Thang
Ngõ mình cách chữa đầy gang tới trời
Nhanh chân vượt khỏi dốc rồi
Nguy trang còn quỵên mây trôi đi cùng.*

(Kim Quốc Hoa)

Có một con đèo đã đi vào nhiều trang sách, trang báo của thời đánh Mỹ. Tên cô gái được đặt cho con đèo này. Thật là một hình tượng đẹp, một “bài thơ” đáng nhớ, một sự biểu dương trân trọng. Có lẽ, những ai qua con đèo này, có thể tưởng tượng được một mái tóc đen, xoã mượt trong gió ban mai, trong ánh hoàng hôn, trong đêm trăng tỏ. Cô gái ấy đang vẫy gọi xe lên, đang đón đợi những “bàn chân trăm dặm” đi tới.

“*Qua đèo Cô Nhạ*” - một bài thơ ca dao đáng nhớ của cây bút Duy An:

*Qua “đèo Cô Nhạ” trắng lên
Nhớ em, anh lại gọi tên con đèo
Con đèo đạn xé, bom reo
Vào ra mấy chuyến mà nhiều nhớ thương
Mặc cho giặc Mỹ điên cuồng
Tay em vỡ núi, san đường, phá bom*

*Em cười rạng sáng sao Hôm
Bàn tay em vẫy, xe bon qua đèo*

*Lên đèo nghe tiếng gió reo
Tưởng như khúc nhạc con đèo ngân vang.*

Bảo đảm giao thông thời đánh Mỹ đã xuất hiện nhiều câu “khẩu hiệu” mới, có thể gọi là những “thành ngữ” của thời kháng chiến. Ví như câu: “*Gãy cầu như gãy xương; Đứt đường như đứt ruột*”, “*Xe chưa qua, nhà không tiếc*”. Vâng, dỡ ván ghép nhà, dỡ cửa to của nhà để lót đường cho xe ra tiền tuyến, nếu xe bị sa lầy.

Mừng thay, những đội thanh niên xung phong đã góp phần xứng đáng của mình để làm nên những “khẩu hiệu” mới. Rất đáng tự hào - niềm tự hào chính đáng của “lực lượng xung phong” thời “cả nước vào trận”, “toàn dân đánh giặc”. Như là câu chuyện thần thoại ấy, cái lần giặc Mỹ ném bom phá hoại một cây cầu, ngay trong đêm bom đạn ấy, không chỉ một cây cầu khác xuất hiện mà lại có những... hai cây cầu “trình làng”. Bàn tay anh lính công binh và bàn tay cô gái xung phong đã dựng nên “tác phẩm” ấy:

*Bom rơi một chiếc cầu nghiêng
Qua đêm lại thấy hiện lên hai cầu
Giao thông là mạch máu dào
Nhịp tim còn đập, nhịp cầu vẫn thông.*

(Nguyễn Văn Thơi)

Đời sống văn hoá của Bộ đội Trường Sơn và Thanh niên hoả tuyến khá phong phú. Bom rơi không át được tiếng đàn, đạn réo không làm ngừng các câu hát khoẻ khoắn và trữ tình. “Chơi” báo tường là một cách sống đẹp. Báo “đăng” đủ cả ca dao, thơ, mẩu vui, chuyện cười, tranh vẽ và có khi cả mấy lá thư từ hậu phương miền Bắc gửi vào cũng được “dán” lên báo. Mời các bạn nghe bốn câu ca dao của Trần Đạm viết rất “khéo”:

Báo tường dán kín ca dao

Bài nào cũng đặt, bài nào cũng hay

Nhưng mà nhớ nhất câu này:

“Say hơn say rượu là say... mở đường”.

Vượt lên tiếng bom là tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng ca, tiếng cười của những người bám trụ Trường Sơn. Cái sự vui là cần lắm trong điều kiện thử thách căng thẳng. “*Gảy đàn mà hát*” nói về cuộc sống tinh thần nơi đạn réo bom rơi:

Xẻng mài đá núi

Xẻng sắc như dao

Ta đào, ta đào

Ngách ra điểm tựa, ngách vào bản xa

Anh nào có giọng đơn ca

Gảy đàn mà hát mừng ta đào hào.

(Trần Thục)

Cái sự trẻ của “những người Trường Sơn” ngoài ca hát, đàn sáo, báo tường, mò ốc bắt cá cải thiện,

giao liên đối đáp, còn có thể chơi bài - chơi tú lơ khơ, ngâm Kiều, tập kịch... Những “món” này là thuộc sở trường của cánh thanh niên xung phong. “*Cuộc đời vẫn đẹp như hoa; Trường Sơn trẻ với bọn ta... mở đường*”. Tác giả Trần Quân viết bài ca dao “*Vẫn trẻ*”:

*Lán tranh ẩn dưới rừng già
Sớm chiều cựa tác tiếng gà nghe vui
Bám đường, bám bến xong rồi
Tối về ta nghỉ, ta chơi ván bài
Trường Sơn bom đạn đêm ngày
Đời ta vẫn trẻ trung hoài, bạn ơi!*

Dấu dép cao su và dấu giày vải bạt, có người ví như những “bông hoa” trên các tuyến đường Trường Sơn, một cách ví von có phần lãng mạn của một thời đáng nhớ. Đây là nói riêng. Dấu dép ấy được lưu giữ trong ca dao, trong thơ, trong nhạc, trong các trang sách của thời oanh liệt ấy và thời hoà bình hôm nay.

*Hai bên vách đá dựng thành
Con đường luôn giữa ngàn xanh trùng trùng
Con đường uốn lượn cánh cung
Bao nhiêu dấu dép đi cùng nắng mưa.*

(Trương Phán)

Đêm Trường Sơn những canh khuya không trăng sao là tối mịt mùng. Lại bom đạn của lũ giặc vùng vãi nữa. Đối mặt cô gái ở bến phà, ở cung đường, ở

trọng điểm đã luôn luôn sáng tỏ, nhưng lại còn “ngọn đèn dầu chung mắt đêm thâu”, góp vào ánh sáng ấy cho các đoàn xe qua lại, cho các chiến binh “hành quân xa”. Có một ngọn đèn nơi em đứng bên núi Rồng dầu là le lói nhưng vẫn soi sáng con đường cho các anh đi. Minh Thiện viết về ngọn đèn này.

*Ngọn đèn em thắp trong đêm
Chỗ đường vừa mở lối lên núi Rồng
Ngọn đèn đứng suốt đêm đông
Như ngôi sao sáng bao dăng không mờ
Ngọn đèn đứng đó đợi chờ
Từng giây, từng phút, từng giờ xe qua.*

Sống nơi sống chết chỉ cách nhau một sợi tóc, nên sự vui đùa là không thể thiếu. Mà bọn con gái tuổi đang xuân lại thích đùa, lại hay cười. Mấy cô trêu anh lính ở binh trạm, chắc là chàng trai quê Tiên Lãng, Hải Phòng - đất thuốc lào trứ danh thiên hạ, rít điếu cày có... hăng.

*Anh nào mà rít điếu cày
Sao nghe giòn thế khéo say đứ đừ?
Máy bay Mỹ đến, nó cù
Bám đường không nổi là “bu nó” cười
- Yên tâm này các em ơi
Say mà say tỉnh, giấc hời cũng thua!*

(Trương Nhiên)

Thời Trường Sơn ấy, có những đám cưới giữa bộ đội và cô thanh niên xung phong rất là đẹp đôi sau khi đã tạm xa đất lửa, trở về hậu phương yên lành. Cũng có những nỗi nhớ khi mà người ngoài khi bất ngờ bất gặp, nỗi tiếc ngẩn ngơ, rồi hẹn nhau nếu “duyên trời” sắp đặt. Cây ca dao Phan Sung bộc lộ tâm tình:

*Xe anh vào tới cửa rừng
Ngọn đèn em đẩy chỉ đường anh đi
Nửa đêm giặc ném bom bi
Ánh đèn vụt tắt xe đi tối mờ
Đứng bên bom - nổ - hẹn - giờ
Áo em màu trắng thay cho ngọn đèn
Tiếc chưa biết mặt, biết tên
Nhớ người áo trắng - ngọn đèn Trường Sơn.
Ca dao của một thời sẽ sống với nhiều thời, đẹp thay!*

NHỮNG TẤM GƯƠNG HY SINH LẪM LIỆT



Ga Núi Gôi đứng giữa hai thành phố: Thành phố Nam Định - phía ngoài và thành phố Ninh Bình - phía trong. Nhà ga này đứng trên một địa bàn đẹp: Vừa giàu chất lịch sử, vừa giàu chất thần thoại.

Lịch sử kể rằng: Đây là vùng đất của tỉnh Nam Định, nơi thuộc trấn Sơn Nam, có nhiều nhà đại khoa, nhiều danh nhân và các nhà hoạt động cách mạng. Vùng đất này, phía sau Núi Gôi là Phủ Giềng - nơi thờ Bà Chúa Liễu Hạnh - một trong “Tứ bất tử” của Việt Nam.

Ga Núi Gôi không lớn, nhưng nhà ga có một “tiểu sử” vào loại... đáng nể của ngành Đường sắt Việt Nam. Đây là “Nhà - Ga - Điểm - Đỏ”, là “Nhà - Ga - Liệt - Sĩ”. Vì, có một đại đội thanh niên xung phong ngành Đường sắt đã lập nên chiến công rất đáng ghi nhận ở ga này.

Chuyện kể rằng: Đại đội Thanh niên xung phong Đường sắt - C.895, đơn vị đảm bảo việc ứng cứu cho ga Núi Gôi trong cuộc chọi lại sự phá hoại của máy bay Mỹ. Vốn là một đơn vị có nhiều thành tích và đã

trưởng thành vượt bậc. Đơn vị vừa tổ chức học tập lời dạy của Bác Hồ với các đội thanh niên xung phong: *“Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền...”*.

Cấp chỉ huy cũng như các đội viên đều tự liên hệ xem đơn vị mình đã thực hiện lời thơ - cũng là lời răn dạy - của Bác Hồ như thế nào. “Không có việc gì khó”, đơn vị đã từng vượt qua bom đạn trong nhiều trận máy bay Mỹ bắn phá, khi đã vào trận là không có ai lùi bước.

Có những đội viên nói những lời từ gan ruột “là thanh niên xung phong, phải xứng đáng với lời Bác dạy, việc gì khó mình phải xung phong gánh lấy. Muốn vậy, chí phải vững, lòng phải bền...”. Mỗi lần sinh hoạt, nhắc lại lời Bác là mỗi lần đơn vị càng thấy quyết tâm hơn, vững vàng hơn.

Rồi, một sự cố lớn xảy ra, chiều thu ấy, gió đông - nam lồng lộng. Có tiếng keng báo động liên tục. Tiếp đó, có tiếng thét to: “Máy bay Mỹ đến!”. Trên bầu trời còn sáng, những con quạ sắt Mỹ lượn vòng rồi sà xuống thấp bắn hàng loạt rốc-két vào đoàn tàu vừa dừng lại ở ga. Cái mục tiêu mà máy bay Mỹ nhằm đang đứng bất động trên sân ga, nên... không thể tránh vào đâu được, đành đứng đó chịu trận. Những quầng lửa đã bốc lên ở cuối đoàn tàu. Trong hơi gió đã có mùi khét. Rồi những đám khói bốc lên ở vài toa giữa đoàn tàu. Màu khói đen rồi nhờ nhờ trắng và đã xuất hiện màu khói da cam. Cả khoảng sân ga rộng bao trùm một màn khói, trên nóc nhà ga bầu trời bỗng tối đen. Đạn

rốc-két Mỹ đã bắn vào thuốc trừ sâu loại thuốc phục vụ cho mùa màng và vườn tược.

Có tiếng thét đến khản cổ: “Nó bắn vào toa thuốc trừ sâu, tất cả hãy tránh ra, khói rất độc!”. Cùng lúc ấy, ở thôn Phú Thứ, thôn Thanh Côi - những thôn bên cạnh ga Núi Gôi, đơn vị 895 đang vào bữa cơm chiều. Nghe lệnh báo động, các cô gái trong đội thanh niên xung phong Đường sắt, buông bát đĩa, bỏ dở bữa ăn, nhanh chóng chạy đến ga để cứu đoàn tàu.

Nhìn đoàn tàu đang bốc lửa và ở một toa có màu khói vàng nhạt đang bốc lên cuộn cuộn, lại nghe tiếng thét “nguy hiểm lắm, khói độc đấy!”, các cô đứng sững lại. Đại đội trưởng Lê Nguyên Nhung đứng trong vầng khói, thét to: “Toàn đại đội xông lên, có chết cũng phải cứu lấy hàng!”.

Thế là, hết đợt này đến đợt khác, các cô gái xông vào đoàn tàu để cứu những mặt hàng đang cháy trong toa. Nhưng không ai có thể lường được mối nguy hiểm lớn đang đe dọa tính mạng từng đội viên thanh niên xung phong. Từ toa thuốc trừ sâu, những làn khói đã quạt ngã những cô gái đầu tiên xông vào. Máy cô đã mê man, bất tỉnh.

Nhìn bạn mình ngã giữa trận địa đang lúc ác liệt nhất, các cô gái không đắn đo, chân chừ, dưới làn đạn của máy bay Mỹ, giữa bốn bề lửa khói, các đội viên nữ vẫn xông vào nơi bạn mình vừa ngã xuống. Phải nói, đây là những hành động tuần tiết

của những cô gái anh hùng. Biết là sẽ nguy hiểm đến tính mạng nhưng với tinh thần quyết thắng, các cô vẫn xông vào chỗ chết, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ của mình.

Tôi về ga Núi Gôi vào một buổi trưa, nắng đẹp sau ngày hội Phủ Giăng và phiên chợ Viềng độc đáo. Hỏi chuyện các anh ở ga này mới biết thêm một “sự cô” đã “diễn ra” trong lúc cuộc chiến rất quyết liệt, những “cô hàng giải khát” với tinh thần phục vụ không kể trong tình huống nào, đã dũng cảm đẩy xe hàng dưới bầu trời đầy đạn bom và lửa khói đến với các nữ chiến sĩ xung phong đang chơi với thân lửa. Những chai bia Trúc Bạch, những chai nước cam xếp đầy xe được đưa tận tay các cô gái - gọi là “quà ủng hộ”. Đang khát, nhiều người uống một vài ngụm bia và chút nước cam. Bởi thế, chất độc từ khói của toa tàu chở thuốc trừ sâu càng ngấm nhanh vào cơ thể, nên hàng loạt các cô gái nằm bất tỉnh ngay nơi trận địa.

Cuộc cấp cứu diễn ra vô cùng căng thẳng. Nếu là vết thương thì có thể băng bó và cáng ra phía sau. Nhưng nhiều cô không hề bị thương mà đã bị chất độc ngấm vào cơ thể, nên không có cách gì cứu chữa được. Cán bộ, công nhân nhà ga, bà con quanh khu phố ga đã hết lòng cứu chữa nhưng đành chịu khoanh tay trước hiểm họa này.

Khi màn đêm buông xuống, đám cháy mới được dập tắt. “Chiến trường” lúc ấy nhìn vào thật

hải hùng. Những toa tàu cháy, những mảnh tường lỗ chỗ vết đạn, những đám máu còn đọng lại và cái mùi “chiến tranh” vẫn còn luẩn quẩn quanh đây.

Những xác cô gái dũng cảm đã được đưa về phía sau. Một đám tang lớn đầy bi thương và xúc động, hơn một nửa đội viên C.895 đã “ra đi”. Rất nhiều người không cầm được nước mắt. Mới đó, những cô gái đang tuổi thanh xuân hay cười, hay hát, tay cuốc tay xẻng, đêm ngày bám địa bàn đã được phân công, thế mà, có ai ngờ, họ đã cùng nhau ngã xuống, vĩnh biệt cuộc đời này.

Có một cô gái sống sót trong trận đánh này - cô Nguyễn Thị Sơn. Chết độc làm cô bị câm. Nhờ chạy chữa thuốc thang, cô đã nói được. Anh ruột cô là Nguyễn Ngọc Phúc, cán bộ nhà ga Núi Gôi, kể lại diễn biến của “trận đánh núi Gôi” khá tỷ mỉ. Anh nói xúc động: “Tôi chứng kiến trận đánh với lòng cảm phục các cô thanh niên xung phong, họ dũng cảm quá, sống đẹp quá và chết cũng đẹp quá. Hàng trăm đội viên bị thương và nhiều cô đã bỏ mình vì nước. Những cái chết lâm liệt, anh dũng tuyệt vời, đã chứng minh rạch ròi cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam”.

Buổi trưa nắng vàng của những ngày đầu xuân năm ấy, sau khi chuyện trò với các anh ở ga Núi Gôi và tìm hiểu thêm về trận đánh năm 1966 ấy với bà con khu phố ga, mấy anh em chúng tôi -

phóng viên báo “*Đường sắt Việt Nam*” - đến thấp hương trước “Tấm bia liệt sĩ” được dựng ở trước cửa ga Núi Gôi.

Tôi ghi vào sổ tay những hàng chữ đậm nét trên tấm bia: “*Nơi đây, ngày 20 tháng 8 năm 1966, cán bộ, chiến sĩ C.895 - Thanh niên xung phong, công nhân Đường sắt và nhân dân địa phương đã dũng cảm cứu chữa đoàn tàu bị cháy trong trận ném bom của máy bay Mỹ. Nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh, hàng trăm người bị thương nặng. Tinh thần chiến đấu quên mình của các đồng chí mãi mãi là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ noi theo*”.

Sau chuyến hành hương đến “địa chỉ đỏ” này chúng tôi đã viết bài cho báo “*Đường sắt Việt Nam*”, báo “*Giao thông vận tải*” và số chuyên đề của báo “*Tuần tin tức*”. Mỗi lần viết, tôi lại tìm thêm được tư liệu mới sau ba lần về với ga Núi Gôi rất đáng kính trọng này.

“Tấm bia liệt sĩ” vẫn đứng đó. Bây giờ đã được tu bổ khang trang hơn. Những chuyến tàu vào Nam ra Bắc, khi dừng hay qua ga Núi Gôi đều kéo những hồi còi vang vọng “*kính chào nhà - ga- điểm - đỏ*” của ngành Đường sắt Việt Nam.

Ga Gôi lẫm liệt anh hùng

Đất thiêng thiêng mãi một vùng thành Nam.

ĐI 40 CÂY SỐ TRONG ĐÊM ĐỂ GẶP BÁC HỒ



Có một cụ già quê làng Minh Lễ, xã Quảng Minh, một vùng chân quê thuộc tỉnh Quảng Bình. Cụ có vinh dự được gặp Bác Hồ một lần, mà dấu ấn của cuộc gặp ấy đã đi theo cụ suốt cả cuộc đời.

Khi nói tới người Quảng Bình và Vĩnh Linh - những địa bàn nằm trong túi bom, biển lửa thời chống Mỹ, cứu nước - là nói đến những con người dũng cảm, bất khuất, chịu đựng gian lao, vượt qua thử thách, rất sáng đẹp về nhân cách, rất bản lĩnh trong cuộc sống đời thường. Tôi nhớ những năm tôi bám trụ trên đất Vĩnh Linh - năm 1966, 1967, tôi ghi vào sổ tay câu “châm ngôn” của người Quảng Bình - Vĩnh Linh: *“Cho không lấy, thấy không xin, của công giữ gìn, của tư trả lại”*.

Với cụ già trên - tên cụ là Hoàng Bá Thuận, lại là người từng cầm đòn gánh đi cướp chính quyền mùa Thu năm 1945, rồi là một người tham gia đoàn thể, hoạt động tích cực, là người xung phong “gánh vác nhiều công việc của làng, của xã. Con

cháu cụ, có người là cán bộ, người đi bộ đội, người vào “thanh niên xung phong””. Với Quảng Bình, phong trào “Tòng quân đánh giặc” và phong trào “Thanh niên xung phong” ra tuyến lửa từ đánh Pháp đến đánh Mỹ là chuyện bình thường.

Một gia đình gương mẫu như vậy, nên cụ Thuận được tỉnh mời đi đón Bác Hồ khi Người vào thăm tỉnh Quảng Bình tháng 6 năm 1957, cụ vẫn nhớ là ngày 16 tháng 4 năm Đinh Dậu. Cụ Hoàng Bá Thuận kể:

- Nhận được giấy mời của các vị lãnh đạo tỉnh Quảng Bình về dự đón Bác Hồ. Tôi sung sướng và cảm động quá. Thật vinh dự và hạnh phúc cho tôi, cho gia đình tôi và cho cả bà con ở vùng xa xôi, đi lại khó khăn, vẫn được các cấp quan tâm đến. Tôi vội chuẩn bị cơm đùm, nước lọ, đi bộ một mạch hơn 40 cây số trong đêm trăng để kịp đón Bác.

Khi đến nơi, tôi “dùng mẹo” của người đứng tuổi, tìm một chỗ đứng dễ quan sát, để nhìn thấy xe ô tô của Bác. Tôi thấy Bác ngồi trong xe con của bộ đội, tôi cầm mũ vẫy liên tục và hô: “Bác Hồ muôn năm!”... Rồi tôi được xếp ngồi ở dãy ghế hàng đầu. Đây là dãy ghế dành cho các cụ già, các gia đình có công với cách mạng, các anh hùng chiến sĩ thi đua.

Bác xuống xe, vừa đi vừa vẫy chào đồng bào. Bỗng Bác dừng lại, nắm chặt tay tôi, hỏi chuyện.

Tôi sung sướng quá, hơi ảm từ bàn tay Bác truyền sang tôi, thật là quá đổi vinh dự. Tôi vốn là người hay làm thơ, làm vè, ghép những câu có vần lại dễ dễ thuộc, dễ nhớ. Tôi đã nhắm được mấy câu để gặp Bác sẽ đọc, nhưng khi gặp Bác, tôi lại quên không đọc được. Ví như hai câu này: *“Nam Đàn sinh thánh, Bác Hồ ơi! Ôn Bác ghi sâu triệu kiếp người...”*.

Cụ Thuận nhớ lại chuyện đón vua quan thời xưa. Ngày xưa, các quan tuần vũ, tri huyện xuống xã cũng bắt dân sửa đắp đường làng xem như đường mới, chúc sắc, dân làng đứng chấp tay chờ đợi. Lại còn lo việc tiệc tùng cho các quan. Rồi lại còn quà cáp nữa chứ!

Bây giờ, thời mới, Bác về thăm tỉnh, thăm dân, Người có phong cách giản dị, rất gần dân và nhân dân ai cũng kính yêu Bác. Cứ nghe Bác nói chuyện với cán bộ, nhân dân Quảng Bình thì rõ. Bác nói những điều thiết thực, cụ thể, ai cũng hiểu được. Việc nước lớn như thế, việc dân nhiều như thế, mà Bác nói rất rành mạch, lại có những câu ví dễ hiểu, làm cho người nghe vừa thích thú vừa cười vui.

Đi bộ hơn 40 cây số - đi suốt một đêm trắng - để đến địa điểm đúng giờ, mong được gặp Bác và cụ Thuận đã được gặp Bác. Cụ lại có điều may lớn, được Bác cầm tay hỏi chuyện. Gặp được Bác, khi về cụ kể lại chuyện cho dân làng nghe, chắc là ai cũng cảm động, vui mừng.

Cụ Thuận nhớ Bác Hồ có bài thơ “*Hưởng nắng*”, đúng ra là bài thơ “*Trời hưởng*”. Cụ vẫn nhớ bài thơ ấy.

*Sự vật vẫn xoay đà định sẵn
Hết mưa là nắng hưởng lên thôi
Đất trời một thoáng thu màn ướ
Sông núi muôn trùng trái gấm phơi*

...

Sau lần được gặp Bác vào ngày 15 tháng 6 năm 1957 tại Quảng Bình, cụ Thuận lại lầm nhảm bài thơ “*Trời hưởng*” của Bác, bởi cụ thấy Bác nói đúng quá “*Hết mưa là nắng hưởng lên thôi*”. Thì ra, cái sự đời là thế. Mà Bác lại còn nhấn mạnh ở câu kết: “*Hết khổ là vui vốn lẽ đời*”. Cụ Thuận càng ngẫm nghĩ càng thấy thấm thía. Bây giờ, con cháu cụ đang gánh vác việc nước, ấy là đi theo đường sáng của Bác Hồ.

Cụ Hoàng Quang Thuận cũng có bài thơ “*Thất ngôn bát cú*” - một thể loại thơ Đường mà ngày xưa cụ từng học. Thơ ca ngợi Bác Hồ, dẫu còn mộc mạc, nhưng cụ nói là “xin được họa lại cái ý tứ trong bài “*Trời hưởng*” của Bác Hồ”.

Thơ của cụ như sau:

*Bác Hồ là “nhân văn” vốn sẵn
Thương dân, cứu nước quyết không thôi
Trùng dương vượt sóng tay chèo lái*

*Cập bến vinh quang, cờ đỏ phôi
Non nước trùng trùng phô sắc thắm
Cỏ hoa lớp lớp trở màu tươi
Muôn năm Tổ quốc ta cường thịnh
Lãnh tụ tài cao tiếng tuyệt vời.*

Hằng năm, cứ đến ngày sinh nhật Bác, cụ lại
đọc bài thơ trên để tưởng nhớ đến công ơn của Người.

TẾT ẤY, NHẬN QUÀ XUÂN CỦA BÁC



Mùa xuân năm Mậu Thân sắp về. Cái Tết đang đến gần. Hoa đào Nhật Tân đang vào thời điểm tươi nụ, đỏ hoa. Cánh én đã mở những vòng bay rộng trên khắp vùng Đông Bắc, Tây Bắc. Không khí Tết đã thực sự rạo rức khắp nẻo đường quê miền Bắc.

Khu Bốn vốn là địa bàn lửa, cực kỳ nóng bỏng: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, khu vực Vĩnh Linh, bộ đội, thanh niên xung phong, dân quân tự vệ mặc áo nguy trang vào trận. Trên địa bàn Quân khu Bốn, nơi trực tiếp chia lửa với chiến trường miền Nam luôn luôn ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao nhất.

Trước Tết, Bác Hồ gửi quà cho Quân khu Bốn, cho những đơn vị đang đứng trên tuyến lửa. Quà của Bác rất thiết thực, rất là tâm lý đến từng đôi tượng nhận quà. Tấm lòng Bác bao la như biển cả. Bác thương yêu tất cả mọi người. Bác dặn dò Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước khi lên đường vào tuyến lửa.

Đại tướng gọi điện vào Sở chỉ huy tiền phương ở Trại Hồng với một giọng xúc động sâu lắng. Ông cho biết: Đêm trước khi lên đường vào khu Bốn, đã hơn 12 giờ, Bác còn gọi điện cho tôi. Bác dặn rất tỷ mỉ, cụ thể: “Chú vào công tác khu Bốn đi chúc Tết đồng bào, bộ đội, cho Bác gửi lời thăm hỏi. Chú chuyển một ít quà của Bác vào cho đồng bào, chiến sĩ trong đó. Kẹo và thuốc lá cho tất cả mọi người. Cặp tóc cho chiến sĩ gái, thuốc lào cho các chú nghiện. Chú đến thăm thương binh, bệnh binh đang điều trị ở các viện quân y nhớ mang cho các chú ấy giấy viết, tem thư để các chú ấy báo tin chiến thắng và sức khỏe về nhà. Chú vào đến nơi nhớ tin ra sớm cho Bác biết, Bác mừng”.

Sở chỉ huy im phăng phắc trong nỗi xúc động đến nghẹn ngào. Công việc nước bọt bề mà Bác vẫn dành tình cảm quý báu cho đồng bào, chiến sĩ nơi tuyến lửa. Ai cũng tự nhủ mình phải cố gắng vượt bậc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình để xứng đáng với tấm lòng thương yêu của Bác.

Tướng Đàm Quang Trung thay mặt Bộ Chỉ huy Quân khu nhận số quà của Bác. Ông có lời thưa với Đại tướng Võ Nguyên Giáp:

- Kính thưa Anh Văn. Chúng tôi vô cùng phấn khởi, xúc động, tự hào được đón nhận quà xuân của Bác. Qua anh, cho chúng tôi xin thành kính chúc Bác sức khỏe, sống lâu. Và chúng tôi xin hứa

sẽ lập nhiều chiến công mới, xuất sắc hơn nữa để xứng đáng với sự chăm nom, dạy bảo ân cần của Bác.

Bộ Tư lệnh Quân khu có điện thông báo tin vui đến các Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, khu vực Vĩnh Linh, mặt trận đường 9, bộ đội tình nguyện ở Lào... Việc chuyển quà Tết của Bác cho các đơn vị được tiến hành khẩn trương và chu đáo. Từ một việc nhỏ, cái việc thông thường của cuộc sống như những gói cặp tóc cho các cô gái bộ đội, thanh niên xung phong đang có mặt ở hoả tuyến cũng phải chuyển “hàng” đến tận nơi, tận tay người nhận.

Cơ quan hậu cần, Binh trạm I đã bàn bạc, nhất trí cử những đồng chí lái xe thông thuộc các ngã đường trên địa bàn Quân khu để việc chuyển hàng đến từng trận địa, chiến hào cho bộ đội kịp đón Tết. Trước khi quà của Bác đến, các đơn vị đã được thông báo và một phong trào thi đua “Mùa xuân lập công dâng Đảng, dâng Bác” đang diễn ra sôi nổi.

Mùa xuân ấy, lực lượng vũ trang, lực lượng thanh niên xung phong được nhận quà xuân của Bác, tất cả đều quyết tâm gắng lập được công để đáp lại tấm lòng thương yêu của Bác. Bộ đội đảo Mát, buổi chiều nhận được quà của Bác thì buổi tối hôm đó đã bắn cháy một tàu biệt kích Mỹ. Thi đua với bộ đội đảo Mát, tiểu đoàn Bình Hà - một đơn vị bộ đội địa phương - đã “hạ ngon” một máy bay F.205 của Mỹ.

Cuốn sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta lại ghi thêm những trang vàng về cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968. Rất nhiều gương sáng trong chiến đấu đã xuất hiện. Buổi sáng mùa xuân ấy, đoàn cán bộ Quân khu Bốn vào Mặt trận đường số 9. Ở đây, đã có một câu chuyện mà ai nghe cũng cảm thấy tự hào và cảm phục. Một vị tướng kể:

- Chúng tôi vào đến Mặt trận đường 9, được nghe đồng chí Chính uỷ Sư đoàn 324 kể lại một câu chuyện cảm động. Khi kiểm kê các di vật của liệt sĩ đã hy sinh qua mấy trận đánh, chúng tôi thấy dưới đáy ba lô của các chiến sĩ đều có gói quà xuân của Bác được gói ghém kỹ lưỡng, đó là những kỷ vật thiêng liêng mà các chiến sĩ đã giữ gìn cẩn thận.

*Quà xuân của Bác Hồ cho
Thuốc Lào, thuốc lá “một kho” chất đầy
Tem thư, giấy viết là đây
Kẹo ngon từng gói trao tay người cầm
Các cô bộ đội, xung phong
Nhận bao cặp tóc mà lòng xốn xang
Quà của Bác quý hơn vàng
Mùa xuân lịch sử sẵn sàng lập công.*

Mục lục

TRANG

PHẦN THỨ NHẤT

BÁC HỒ

với

CỤU CHIẾN BINH

❑	TRÊN BÃI PÀI CO NHÂN	6
❑	“CHÚ TÀN NHƯNG KHÔNG PHẾ...”	11
❑	ĂN CƠM VỚI BÁC, CHÁU ĐỪNG LÀM KHÁCH.....	16
❑	“NGƯỜI CỘNG SẢN KHÔNG Ở TRONG ĐẢNG”	21
❑	THƯA BÁC, CHÁU TÊN LÀ...	25
❑	ĐƯỢC PHỤC VỤ ÔNG CỤ	29
❑	TIẾNG ĐÀN.....	34
❑	KỶ NIỆM THẬM THÌNH	39
❑	ĐƯỢC GẶP BÁC BẢY LẦN.....	43
❑	BÁC YÊU CẦU LÀ BAY ĐƯỢC NGAY CHỨ?	47
❑	NỮ TƯỚNG HỌ NGUYỄN	51
❑	“ÁNH MẮT BÁC NHƯ NHÌN ĐỨA CON ĐI XA VỀ...”	56
❑	TỪ VÙNG NÚI LŨNG HOÀNG.....	61

❑	TẤM LÒNG CỦA BÁC: TRỜI BIỂN BAO LA	65
❑	TRONG TÌNH THƯƠNG YÊU LỚN	71
❑	MỘT NGÀY VUI Ở TRẠI TRÉ.....	76
❑	BA LẦN CHỤP ẢNH, BA CHÙM PHONG LAN.....	80
❑	HỌC TẬP SUỐT ĐỜI	84
❑	NHỚ CÁI TẾT NĂM 1968 ẤY	87
❑	NGHE LỜI BÁC DẠY, NHỚ ĐẾN SUỐT ĐỜI	90
❑	MỘT NGÀY, HAI LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC	93
❑	CÂU CHUYỆN VỀ MỘT “TỰ VỆ ĐỎ”	97
❑	NHỚ BÁC	101
❑	BẮC BỘ PHỦ, NHỮNG NGÀY ĐÁNG NHỚ	105
❑	BÁC DẠY: ĐẠO LÀM TƯỚNG	110
❑	NGƯỜI LÍNH CẬN VỆ CỦA CỤ HỒ	114
❑	HAI CÂU CHUYỆN NHỎ VỀ MỘT CON NGƯỜI VĨ ĐẠI	119

PHẦN THỨ HAI

BÁC HỒ

với

THANH NIÊN XUNG PHONG

❑	NHỚ MÃI NGÀY GẶP BÁC	124
❑	NHỚ LỜI BÁC.....	130

❑ NHƯ LẦN ĐẦU ĐƯỢC HÁT	136
❑ ĐƯỜNG ĐẾN TỬ TRÂM SƠN.....	141
❑ ĐƯỢC GẶP BÁC BỐN LẦN	145
❑ KỂ CHUYỆN TRÊN ĐƯỜNG 20	150
❑ TRÊN ĐỊA BÀN “TRẬN ĐỒ BÁT QUÁI”	161
❑ NHỮNG TẤM GƯƠNG HY SINH LẪM LIỆT.....	173
❑ ĐI 40 CÂY SỐ TRONG ĐÊM ĐỂ GẶP BÁC HỒ	179
❑ TẾT ẤY, NHẬN QUÀ XUÂN CỦA BÁC	184

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04). 8229413. 9430219

Fax: 04.9436024. E-mail: nxbthanhvien@vnn.vn

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III - TP Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 9305243

BÁC HỒ

VỚI

CỰU CHIẾN BINH

VÀ

THANH NIÊN XUNG PHONG VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỜI CHÍNH

Biên tập: LÊ MINH HIỀN

Bìa: THU AN

Kỹ thuật vi tính: NGUYỆT LÊ

Sửa bản in thử: PHAN THẮNG

In 1.000 cuốn, khổ 13x19cm, tại Nhà in Hà Nội - Công ty Sách Hà Nội.

Số đăng ký KHXB: 450-2008/CXB/04-28/TN.

Số in: 215. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2008.



BÁC HỒ

VỚI CỰU CHIẾN BINH
VÀ THANH NIÊN XUNG PHONG
VIỆT NAM